TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU VỀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI NAM-TƯ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ NỘI

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU VỀ
CHỦ NGHĨA XÉT LẠI NAM-TƯ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1964

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Tài liệu này gồm hai phần:

1. *Trích một số luận điệu phản động của bọn xét lại Nam-tư* trong Cương lĩnh và các văn kiện chính thức khác của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, trong các bài diễn văn, bài báo, trả lời phỏng vấn của tập đoàn Ti-tô từ năm 1951 đến nay.

2. *Một số tình hình thực tế và việc làm cụ thể của bọn xét lại Nam-tư* chứng minh rằng, toàn bộ lời nói và việc làm của tập đoàn Ti-tô đều hoàn toàn trái ngược với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng đã biến thành những tên đầy tớ trung thành của đế quốc Mỹ và các đế quốc khác và là kẻ thù công khai của chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản quốc tế.

Tháng Giêng 1964
SỰ THẬT

TRÍCH MỘT SỐ LUẬN ĐIỆU PHẢN ĐỘNG CỦA BỌN XÉT LẠI NAM-TƯ

I. — VỀ TÍNH CHẤT THỜI ĐẠI CHÚNG TA

« Thời đại hiện nay là thời đại mở đầu sự hình thành trong thực tế và sự củng cố những hình thức xã hội chính trị và văn hóa mới, dựa trên cơ sở quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không còn hướng chủ yếu về những vấn đề thủ tiêu chế độ cũ, chế độ tư bản chủ nghĩa nữa »

(*Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, chương I)

« Thế giới ngày nay đã bước vào thời đại mà các nước có thể thoải mái và yên ổn dốc sức mình vào nhiệm vụ kiến thiết nước họ »... « Chúng ta đã bước vào thời đại mà những vấn đề mới đang được đặt ra trước mắt, đó là vấn đề hợp tác, vấn đề kinh tế và các vấn đề khác. Trong các vấn đề đó, riêng về mặt hợp tác kinh tế mà nói, cũng còn có vấn đề thi đua kinh tế »

(Ti-tô : *Bài nói chuyện ở Da-gô-rép* ngày 12 tháng Chạp 1959)

« Ngày nay các nước Á - Phi không còn là thuộc địa nữa rồi, không còn là những lãnh thổ làm cho các nước lớn phải tranh giành nhau chia cắt, bởi vì các nước trước kia là thuộc địa thì nay đã trở thành những nước độc lập. Lực lượng sản xuất của các nước phát triển đã đạt đến một trình độ rất cao ; các nước này có thể sản xuất đầy đủ các thứ cho mình, nên họ không cần thiết phải đi kiếm các thứ sản phẩm đó ở nơi khác »

(Ti-tô : *Trả lời nhà báo Mỹ D. Pớc-sơn*, ngày7 tháng Tám 1962)

« Thời đại mà chúng ta đang sống mang đặc điểm là lực lượng sản xuất vật chất phát triển hết sức nhanh chóng. Trong xã hội đang diễn ra những sự thay đổi căn bản có ý nghĩa hết sức to lớn đối với từng dân tộc và đối với thế giới nói chung »

« ... Sự phát triển hiện nay của lực lượng sản xuất, đó là hiện tượng chưa từng thấy từ trước tới nay trong lịch sử. Trong kỹ thuật, kỹ thuật học và khoa học nói chung đang diễn ra một cuộc cách mạng phi thường bảo đảm cho loài người có khả năng, bằng những hành động tự giác, thực hiện triệt để việc xây dựng khối cộng đồng của sự giàu có chung và của nền văn hóa cao »

« ... Chỉ cần thực hiện giải trừ quân bị, đem một phần nhỏ chi phí về quân bị cung cấp cho các nước chậm phát triển, thì có thể bước đầu xóa bỏ được sự xa cách quá lớn giữa những nước phát triển với những nước chậm phát triển ...»

« ... Chỉ cần thực hiện « chính sách chung sống », xóa bỏ tình trạng « không tin cậy lẫn nhau » trong mối quan hệ quốc tế, thì nhân dân các nước có thể đem toàn bộ trí tuệ và sức lực của mình, để lập nên một

mối quan hệ quốc tế và một chế độ mới cho các tổ chức quốc tế, nhằm đẩy mạnh sự phát triển toàn diện của con người và xã hội »

(Ti-tô : *Báo cáo trước hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, tháng Năm 1963)

« Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới đang phát triển không phải như một cuộc chiến tranh trận địa giữa hai mặt trận, mà như một quá trình xã hội hữu cơ, trong đó các cuộc cách mạng, các cuộc chiến tranh cách mạng và chiến tranh chống thực dân xen kẽ với sự tiến hóa, nghĩa là với các quá trình đấu tranh chính trị hòa bình, với quá trình các lực lượng xã hội chủ nghĩa và tiến bộ khác dần dần giành lấy những vị trí chính trị, cũng như với sự tiến hóa vật chất ở trong cơ sở xã hội »

(Các-đen : *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh*, 1960)

« Vậy nguồn gốc gây ra tình hình căng thẳng trên thế giới là ở đâu?

Tôi cho rằng, nguyên nhân đẻ ra sự không tin cậy nhau giữa những Nhà nước là thế giới bị phân chia thành các khối. Một bên thì cho rằng khối đó là một công cụ tốt nhất để đạt tới mục đích đã định, còn bên kia thì cũng sai lầm cho rằng nó là vật phòng ngự tốt nhất để đối phó với sự xâm lược »

(Ti-tô : *Báo cáo đầu năm*, 1957)

« Ngoài những nguyên nhân kinh tế và xã hội, một trong những gốc rễ của sự tồn tại hai khối quân sự

và chính trị đối lập trên thế giới là cách thức mà người ta đã dùng để giải quyết những vấn đề quốc tế trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai. Những phương pháp phân chia thế giới thành những khu vực quyền lợi và những hình thức chính trị khác tương tự, đã biểu lộ trong quá trình đàm phán giữa những người đứng đầu các nước đồng minh ở Tê-hê-ran, Y-an-ta, Pốt-sđam và còn tiếp diễn sau chiến tranh thứ hai. Việc áp dụng những phương pháp như vậy đã biểu thị chính sách nhằm đề cập tới những quan hệ quốc tế chỉ xuất phát từ thế mạnh, từ cuộc đấu tranh giành bá quyền mà gạt bỏ hoặc xem nhẹ những quyền lợi thiết thực của các dân tộc, sự phát triển tiến bộ trong toàn bộ...

Hậu quả tất nhiên của sự thất bại của chính sách đó là sự nghiêm trọng hóa mọi quan hệ quốc tế, là sự hình thành các khối quân sự, chính trị, là các khối đó ngày càng giữ miếng với nhau và cuối cùng là sự vũ trang lại... »

« Sự phân chia thế giới làm hai khối chính trị và quân sự đối lập nhau cũng đem lại hậu quả là phân chia thế giới về kinh tế... Tình trạng phân chia thế giới về kinh tế đó còn khơi sâu hơn nữa những sự đối lập về chính trị hiện nay trong quan hệ quốc tế »

(*Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, chương III)

« Do hậu quả của chính sách Sta-lin cứng nhắc và đầy đe dọa, các nước phương Tây thấy không thể thực hiện mục đích của họ bằng con đường ngoại giao, nên đã đứng về quan điểm cho là: họ chỉ có thể giành được mục đích bằng chính sách thực lực mà thôi. Đó là nguyên nhân căn bản của việc thành lập khối Bắc

Đại-tây-dương, sự thành lập một khối quân sự để phục vụ cho việc giành quyền bá chủ thế giới và những mục đích thực lực...

Những tình trạng như vậy không những đã gây trở ngại một cách nguy hiểm cho việc thiết lập lòng tin cậy và sự gần gũi giữa các nước thuộc các phe đối lập nhau, mà còn làm cho hai bên càng xa cách nhau, điều đó chẳng nhiều thì ít đều nuôi dưỡng cuộc chiến tranh lạnh; lẽ ra phải khôi phục kinh tế và hợp tác một cách có lợi nhất thì việc phân chia thế giới ra thành các khối đã làm cho nền kinh tế thế giới bị chia cắt và do đó gây thiệt hại lớn cho các dân tộc...

...Thắng lợi của cuộc cách mạng Trung-quốc đặc biệt đã ảnh hưởng nhiều tới chính sách chia khối quân sự của các nước phương Tây... »

(Ti-tô : *Báo cáo trước Đại hội lần thứ VII Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, tháng Tư 1958)

« Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, một trong những đặc điểm của quan hệ quốc tế là sự tồn tại của cái gọi là chiến tranh lạnh. Nó biểu hiện trên mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, và những quan hệ khác giữa nhân dân các nước, bằng nhiều phương thức rất khác nhau. Việc duy trì chiến tranh lạnh đã gây nhiều tổn thất to lớn. Rất đáng tiếc là trên thế giới còn tồn tại những thế lực rất có ảnh hưởng đang khuyến khích chiến tranh lạnh; còn tồn tại những người đang kêu gào duy trì chiến tranh lạnh; còn tồn tại những « kẻ hiện thực chủ nghĩa », họ cho rằng vì còn có những mâu thuẫn giữa Nhà nước xã hội chủ nghĩa với Nhà nước tư bản chủ nghĩa, giữa các nước

phát triển với các nước chậm phát triển, giữa các nước thực dân với nhân dân các nước trước kia là thuộc địa hoặc nay vẫn còn bị áp bức, vì còn có sự không tin cậy lẫn nhau, nên trạng thái chiến tranh lạnh là sự tất nhiên trong quan hệ quốc tế. Đúng là sự không tin cậy lẫn nhau đang chiếm ưu thế trong quan hệ quốc tế, chính sách « thực lực » đang được những tập đoàn phản động trên thế giới tiến hành thường xuyên. Trong quan hệ quốc tế vẫn còn có những hành động và ý muốn đi thống trị người khác. Những sự thực đó gây ra sự hao phí to lớn về sức người, sức của và những tài nguyên khác... »

« Đối với một số vấn đề quốc tế trước mắt, chúng ta đã nhiều lần tỏ rõ thái độ, tôi không cần nhắc lại ở đây nữa. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, đứng trong phạm vi lực lượng xã hội chủ nghĩa và lực lượng tiến bộ trên thế giới, chúng ta đang phát huy tác dụng của phương hướng chung để giải quyết những vấn đề đó. Tôi còn muốn nhấn mạnh rằng, hiện nay có những sự chống đối lại tác dụng ấy. Sự chống đối đó đang từng giờ từng phút làm cho việc giải quyết những vấn đề quốc tế cấp bách bị ngừng trệ lại. Hiện tượng ngừng trệ không tiến lên được này chứa đầy những mối nguy hiểm. Hiện tượng này do sự chống đối phản động đó gây ra. Nó không phù hợp với lợi ích của hòa bình, lợi ích của nhân dân. Về điểm này, điều đáng lo ngại là trong một bộ phận của thế giới xã hội chủ nghĩa biểu lộ ra những lợi ích riêng tư và quan điểm giáo điều chủ nghĩa. »

(Ti-tô : *Báo cáo trước hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, tháng Năm 1963)

II. — VỀ VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH, CHUNG SỐNG HÒA BÌNH

« Tình hình thế giới hiện nay có thể nói là từng giờ đều có khả năng nổ ra chiến tranh. Nhưng đứng về mặt khác mà nhìn thì, chiến tranh nói chung cũng khó mà nổ ra được, vì mọi người đều sợ chiến tranh. Tôi nghĩ rằng, nên tin ở khả năng thứ hai này hơn là khả năng trên. Nhưng, tình thế đã ở mức độ cung tên giương sẵn cả rồi ; liệu có thể kịp thời ngăn chặn được cục diện đó không, cũng còn là vấn đề. Tôi cho rằng không nên coi thường, đùa bỡn với cái thời chiến tranh lạnh mà lúc nào cũng sẵn sàng nổ ra chiến tranh ! Thế giới ngày càng thấy rõ rằng, chiến tranh là tai họa cho toàn thế giới ; ở đây không có ai là kẻ chiến thắng, cũng không có ai là kẻ chiến bại, nghĩa là cả hai bên sẽ đều bị tiêu diệt cả. Chính vì vậy mà hiện nay ở Liên hợp quốc, lực lượng hòa bình thế giới ngày càng lớn, họ đều sợ chiến tranh tuy họ có lực lượng phản đối chiến tranh. »

(Ti-tô : *Bài nói chuyện trước Đại hội quần chúng ở Giê-nít-xa*, ngày 12 tháng Mười 1958)

« ... Việc phân chia thành khối hoặc phân chia nhiều mặt trên thế giới phát triển tới cao độ, thì chiến tranh thế giới nhất định không tránh nổi. Vấn đề đặt ra là, có cần dùng chiến tranh thế giới để giải quyết mâu thuẫn cơ bản trên thế giới hiện nay không. Chúng tôi cho rằng, không cần thiết và không nên dùng chiến tranh để giải quyết mâu thuẫn đó. Chỉ cần chúng ta thừa nhận quan điểm này, thì rõ ràng bất cứ một phương châm nào của chính sách quốc tế giành hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội cũng phải nhằm xóa

bỏ dần sự phân chia thành phe khối trên thế giới. Do đó bất cứ một nhiệm vụ quốc tế trọng đại nào, cũng phải kiên quyết xác nhận nguyên tắc chung sống và nguyên tắc hợp tác giữa nhân dân các nước một cách hết sức rộng rãi và toàn diện...

... Trái ngược với điều đó, việc phân chia phe khối trên thế giới làm cho những quan hệ hiện nay vẫn giữ nguyên như cũ... »

(Các-đen : *Trả lời các nhà báo Nam-tư trong dịp đi thăm I-rắc, Ấn-độ, In-đô-nê-xi-a,* ngày 12 tháng Năm 1962).

« ... Tôi xin nói với mọi người rằng, hiện nay các dân tộc trên thế giới đều muốn biết ở các nước khác có điều gì tốt hay không, có điều gì có thể thực hiện được ở nước họ hay không. Đó là vấn đề tiến bộ của nhân loại, là việc của nhân dân các nước, là việc của mọi người chúng ta. Nhân loại chỉ có thể tiến bộ trong hoàn cảnh hòa bình, chỉ có trong điều kiện hòa bình mới có tiến bộ, vì chiến tranh không thể mang lại tiến bộ, hay nói cách khác, chiến đấu không thể giải quyết được vấn đề hòa bình và tiến bộ. Cho nên chúng ta sau này cũng như trước kia, sẽ đấu tranh cho hòa bình và hợp tác hòa bình quốc tế ; không ai có thể làm cho chúng ta tin rằng sự hợp tác quốc tế đó không phải là điều cần thiết và vô ích. »

(Ti-tô : *Bài nói chuyện trong buổi mít tinh kỷ niệm 15 năm chiến dịch Su-ti-ca*, ngày 4 tháng Bảy 1958)

« Trong phạm vi toàn thế giới, những lời hò hét bừa rằng chiến tranh là con đường thoát duy nhất, đã ngày một yếu ớt. Nguyên nhân là : căn cứ vào lực lượng so

sánh hiện nay, — bất kỳ sự tăng cường quân bị nào hay bất kỳ sự tăng cường hệ thống phe khối nào cũng đều không thể làm thay đổi lực lượng so sánh này — chiến tranh nếu không phải là không có khả năng bùng nổ, thì ít nhất cũng là việc rất mạo hiểm. Huống hồ, nếu có nổ ra chiến tranh cũng vị tất đã giải quyết nổi những mâu thuẫn trong thời đại hiện nay. Sau một cuộc chiến tranh hạt nhân nóng hủy diệt, thì những thứ còn sống sót trên thế giới cũng sẽ lại gặp những mâu thuẫn như cũ, nếu có thì cũng chỉ là sự thay đổi về hình thức. Vì rằng, những mâu thuẫn đó nảy ra không phải là ngẫu nhiên, không phải là tự trên trời rơi xuống, mà là sự phản ánh của tình hình phát triển về vật chất và văn hóa trong giai đoạn hiện nay của nhân loại. »

(Các-đen : *Những vấn đề cơ bản của Nam-tư hiện nay và quan hệ Nam-tư — Mỹ*, đăng trên tạp chí *Chuyên đề ngoại giao* của Mỹ, tháng Bảy 1956)

« Tôi vừa mới nói, tình trạng những tập đoàn chia xẻ thế giới tới mức cao độ chỉ có nghĩa là chiến tranh thế giới thứ ba sẽ không thể tránh khỏi, mà chiến tranh thế giới thứ ba thì sẽ dẫn tới sự phá hoại khủng khiếp tất cả các nước trên thế giới. Nhưng vấn đề không chỉ ở chỗ này. Chúng ta chống chiến tranh không phải vì chiến tranh tức là hủy diệt. Chúng ta phản đối nó vì chúng ta cho rằng, về thực chất mà nói, không thể dùng chiến tranh thế giới mà gán ép chủ nghĩa xã hội cho mọi người. Hơn nữa, có thể nói thêm một câu rằng, trong điều kiện hiện nay, có dùng chiến tranh thì chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân, dù với hình thức mới nào đi nữa, cũng khó mà hồi phục hoặc cưỡng bức

người khác phải theo... Chúng ta sở dĩ loại trừ việc dùng chiến tranh thế giới làm thủ đoạn đấu tranh giành chủ nghĩa xã hội, không chỉ vì nguyên nhân nhân đạo có tính chất nguyên tắc và phổ biến, mà trước hết là vì nếu dùng thủ đoạn đó để « giải quyết » những mâu thuẫn thế giới hiện nay tất nhiên sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội bị biến hình, tức là, tất nhiên sẽ đem đến những hậu quả phản động cho sự phát triển chủ nghĩa xã hội và sự phát triển mối quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa nhân dân các nước. »

(Các-đen : *Trả lời các nhà báo Nam-tư trong dịp đi thăm I-rắc, Ấn-độ, In-đô-nê-xi-a*)

« ... Kỹ thuật, công nghiệp và toàn bộ nền khoa học nói chung, đang thực hiện những cuộc cách mạng kỳ diệu, khiến xã hội loài người có thể thông qua những hành động tự giác, cuối cùng xây dựng nên đại gia đình hầu hết giàu có và có nền văn hóa cao. Việc phát hiện năng lượng nguyên tử, khả năng dùng nguyên tử vào sản xuất, cho đến việc chúng ta đã tiến sâu vào thời đại nguyên tử, chính là cuộc cách mạng khoa học đó. Nó đã có ảnh hưởng to lớn đến tình hình quan hệ quốc tế và tương lai của xã hội loài người.

Đứng trước tình hình như vậy, điều quan tâm sâu sắc nhất của nhân dân các nước trên thế giới, không kể sống dưới chế độ xã hội như thế nào, là bảo vệ hòa bình thế giới. Vì rằng, trong thời đại vũ khí nguyên tử và vũ khí khinh khí thì một cuộc chiến tranh thế giới sẽ có thể phá hoại nghiêm trọng sức sản xuất của đại gia đình loài người, làm nguy hại cho sự sống còn của loài người. Cho nên, chiến tranh trong thời đại hiện nay chỉ là một sự hủy diệt toàn diện, chứ không phải là một thủ đoạn giành lấy thắng lợi của phía bên

này hay phía bên kia, và cũng không phải là một thủ đoạn thử sức của bên này hay bên nọ nhằm đem chế độ xã hội của mình gán ép cho nhân dân những nước nào đấy. »

(Ti-tô : *Báo cáo trước hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, ngày 18 tháng Năm 1963)

« Dù cho những mâu thuẫn đế quốc chủ nghĩa trong nội bộ thế giới tư bản chủ nghĩa phát triển đến mức độ nào đi nữa, nhưng vì mâu thuẫn cơ bản của thế giới hiện đại là mâu thuẫn giữa thế giới xã hội chủ nghĩa và thế giới tư bản chủ nghĩa, nên nó đã bị gạt xuống hàng nhân tố *thứ yếu*, bởi vậy khả năng nổ ra chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa lớn hiện nay để chia lại thế giới, đã giảm xuống đến mức thấp nhất, về mặt lý luận nghĩa là có thể nói rằng trong thực tiễn chính trị không cần phải tính đến nó nữa. »

(Các-đen : *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh*, Nhà xuất bản Văn hóa, Ben-gơ-rát, 1960, tr. 56)

« Cuộc chiến tranh đó [1] ngày nay không phải chỉ tùy thuộc ở những quy luật phát triển bên trong của chủ nghĩa tư bản, mà còn tùy ở những quy luật phát triển bên trong của chủ nghĩa xã hội. »

(Các-đen : *Như trên*, tr. 42)

« Nếu một chính sách khiến cho tất cả những yếu tố không phải là cộng sản chủ nghĩa cùng xiết lại với nhau trong một mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa

---

1. Chỉ chiến tranh giữa hai phe. (*Người trích*)

xã hội, hay kích thích việc tiếp tục chia thế giới thành các mặt trận nhằm đạt đến sự chấp nhận một sự giải quyết « vĩnh viễn » nào đó, thì như thế chiến tranh sẽ trở nên không thể tránh khỏi. »

(Các-đen : *Như trên*, tr. 44)

« Trong điều kiện hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng thế giới, nhưng trong khuôn khổ của nó hiện còn những tàn dư của những quan điểm cũ, của những khuynh hướng ích kỷ và những khuynh hướng khác tương tự, thì có thể có một nước nào đó đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà vẫn có ý định (vì những điều kiện đặc biệt bên trong nào đó), lợi dụng lực lượng của chủ nghĩa xã hội không phải chỉ để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, mà còn để thực hiện những mục đích nào đó không liên quan gì với chủ nghĩa xã hội. »

(Các-đen : *Như trên*, tr. 52)

« Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác không loại trừ khả năng xảy ra hiện tượng sau đây : một nước xã hội chủ nghĩa nào đó cũng làm chiến tranh phi nghĩa.

(Các-đen : *Như trên*, tr. 105)

« Về vấn đề quan hệ Đông-Tây, chúng tôi cho rằng ở đây, nếu nhìn vào những nghị định thư có tính chất chiến tranh lạnh, thì trước hết là Liên-xô phải đi bước trước. Vì rằng, trên một mức độ nào đấy, Liên-xô đã tham dự vào chiến tranh lạnh còn tích cực hơn một số Nhà nước khác. »

(Bình luận của báo *Thắng lợi* (Nam-tư) số ngày 20 tháng Ba 1955)

« Nói một cách khác, trong dư luận xã hội trên thế giới, kể cả dư luận xã hội của một dân tộc lớn nhất,

đã dần dần xuất hiện chủ trương cần có một cơ cấu quốc tế để bảo vệ hòa bình thế giới. Điều đó đã nói lên một sự thực, tức là, chính phủ hiếu chiến nhất trước hết là những chính phủ phải chịu trách nhiệm về việc gây ra căng thẳng trong thời kỳ trước đây (trước hết là Chính phủ Liên-xô do Sta-lin lãnh đạo), đã vứt bỏ chính sách của mình để đi theo con đường phát triển mới. »

(Bình luận của tạp chí *Chính trị quốc tế* (Nam-tư), số 114, ngày 1 tháng Giêng 1955)

« Nói một cách khác, họ[1] kêu gọi thế giới đoàn kết làm cách mạng, chứ không phải kêu gọi thế giới đoàn kết giành hòa bình và chủ nghĩa xã hội ; đứng trong giai đoạn hiện nay, cách mạng thế giới sẽ có nghĩa là đại chiến thế giới và sự hủy diệt hàng trăm triệu con người.

Cho nên, chính sách « tấn công liên tục » yêu cầu vứt bỏ phương pháp thương lượng trong việc giải quyết những vấn đề tranh chấp quốc tế, không phải là chuyện gì ngẫu nhiên. Đường lối này yêu cầu vứt bỏ tinh thần Băng-đung và 5 nguyên tắc chung sống hòa bình nổi tiếng ; yêu cầu sửa đổi lại phương hướng, áp dụng thứ chính sách gây căng thẳng ở châu Á và toàn thế giới. Điều đó dẫn đến vứt bỏ chính sách chung sống, vì trước hết, nếu đứng trên quan điểm của Trung-quốc đang « bức thiết » cần có địa vị trên quốc tế, thì chính sách chung sống có nghĩa là « chậm chạp ». Căn cứ vào lô-gích này, thì chỉ có trong chiến tranh lạnh, thì mới thỏa mãn được nhu cầu « bức thiết » đó. Họ không nghĩ tới sự

1. Ở đây, Ti-tô nói đến các đồng chí lãnh đạo Trung-quốc. (*Người trích*)

thực này : tăng cường chiến tranh lạnh và chỉ một bên có thái độ hiếu chiến, thì sẽ khêu gợi thái độ hiếu chiến của bên kia. Một chính sách như vậy sẽ làm cho hai bên đi đến chiến tranh hạt nhân. »

(Ti-tô : *Báo cáo trước hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư* ngày 18 tháng Năm 1963)

« Chúng ta sẽ gần sự thật nhiều hơn khi chúng ta xác định rằng dù có căn cứ tên lửa hay không, thì Cu-ba cũng đã chạm đến uy tín rất nhạy cảm của Mỹ là một nước lớn, hoặc Cu-ba đã gây ra cảm giác đe dọa một vị trí chính trị tế nhị của Mỹ. »

(Bình luận của tạp chí *Chính trị quốc tế* (Nam-tư) về cuộc khủng hoảng ở vùng biển Ca-ra-íp, số 302, năm 1962)

« Tính chất nguy hiểm sở dĩ lớn, là vì tiếp sau nhiều miếng đất ươm khác, Cu-ba lại trở thành miếng đất ươm mầm nguy hiểm đe dọa hòa bình thế giới. Chính sách đua nhau tạo nên những miếng đất ươm như vậy, hòng chia cắt toàn bộ thế giới bằng những hình thức tập đoàn để giữ thế « quân bình » bảo vệ nền an toàn cho các phe khối, đều là xây dựng trên những sai lầm và giả thiết. Cái lối giả thiết ấy dễ dàng mang đến những hậu quả nghiêm trọng hơn cả những điều mà người đề ra chính sách đó tưởng nghĩ. »

(Các-đen : *Báo cáo về tình hình Cu-ba trước Quốc hội Nam-tư*, ngày 19 tháng Tư 1961)

« Tôi thường tự hỏi rằng ngày nay người ta cần tiến hành chiến tranh để làm gì, vì cái gì, và vì vấn đề gì?

rằng trong những điều kiện hiện nay thì chiến tranh sẽ mang lại điều gì? Trong thời đại nguyên tử của chúng ta, lúc nào cũng có nguy cơ là ngay cả những cuộc tranh chấp nhỏ và biệt lập cũng có thể lan rộng và đưa tới một cuộc chiến tranh hạt nhân nóng... »

«... Trong thời đại có những thành tựu to lớn về kỹ thuật của chúng ta, chiến tranh là một việc vô lý và cùng với chính sách thực lực, nó cần phải được loại trừ khỏi những mối quan hệ quốc tế... »

«... Ngày nay, các nước phát triển chỉ chiếm 1/5 dân số thế giới, mà chiếm tới 2/3 sản lượng toàn thế giới. Như vậy là còn những vùng chậm phát triển trên thế giới có những khả năng tiềm tàng lớn chưa khai thác về sức người và tài nguyên thiên nhiên. » «...nếu có sự hợp tác kinh tế giữa các nước phát triển cao với những nước chậm phát triển thì sẽ mang lại lợi ích trực tiếp cho các dân tộc, và xóa bỏ được sự phân cách to lớn giữa những nước chậm phát triển và những nước phát triển. »

(Ti-tô : *Diễn văn tại khóa họp lần thứ XVIII Đại hội đồng Liên hợp quốc*, ngày 22 tháng Mười 1963)

« Chúng ta thường nhiều lần nhấn mạnh rằng, bắt tay vào việc giải trừ quân bị sẽ đem lại một ý nghĩa to lớn về nhiều mặt. Đối với cả những lực lượng đang đối địch hiện nay, điều đó cũng có ý nghĩa lớn lao trong việc dần dần xây dựng lòng tin cậy lẫn nhau. Vì rằng giải trừ quân bị tức là vứt bỏ việc dùng vũ lực trong khi giải quyết những vấn đề tranh chấp quốc tế, hơn nữa, nếu chỉ lấy một phần nhỏ trong số tiền tiêu phí về quân bị để giúp các nước chậm phát triển, thì có thể bắt đầu xóa bỏ được những khoảng cách to lớn

nữa các nước phát triển và những nước chậm phát triển như ngày nay.»

(Ti-tô: *Báo cáo trước hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*, ngày 18 tháng Năm 1963)

«Không nghi ngờ gì nữa, việc tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trên một mức độ rất lớn sẽ tùy thuộc vào việc xóa bỏ sự phân cách giữa khu vực kinh tế chậm phát triển với khu vực kinh tế rất phát triển. Sự phân cách đó là nguồn gốc của rất nhiều cuộc xung đột, nguồn gốc đẻ ra những âm mưu can thiệp và ảnh hưởng tới nội bộ cuộc sống của các nước chậm phát triển.»

«... Nhu cầu của khu vực chậm phát triển rất to lớn, ai có thể giúp đỡ nhiều tài lực cho khu vực đó? Tất nhiên là những nước phát triển nhất, mà chủ yếu là những nước đang chi tiêu rất nhiều cho quân bị. Vì rằng những của cải đó không những chỉ tiêu phí vào những mặt phi sản xuất, mà còn là nguồn gốc gây ra tình hình căng thẳng lâu dài, làm cho loài người thêm lo sợ về khả năng xung đột vũ trang. Nếu chỉ lấy 1/10 số tiêu phí về quân bị đó dùng vào các nước chậm phát triển, thì sẽ thỏa mãn được nhu cầu phát triển rất to lớn của những nước này.

Nhưng, khi làm như vậy không nên đòi phải kèm theo bất cứ một điều kiện chính trị nào, vì chỉ có như vậy thì sự hợp tác đó mới có đầy đủ hiệu quả đối với các nước nhận viện trợ tài chính, cũng như về mặt cải thiện tình hình thế giới một cách phổ biến... Chúng tôi cho rằng, sự hợp tác đó có thể thông qua Liên hợp

quốc dùng mọi phương thức thích hợp để giám đốc và bảo đảm. »

(Ti-tô : *Báo cáo tại hội nghị các nước « không liên kết »* họp ở Ben-gơ-rát, ngày 3 tháng Chín 1961)

« Hiện nay tôi mong rằng các ngài sẽ chú ý tới một vấn đề trọng yếu khác. Vấn đề này không những có quan hệ tới chúng ta, mà còn có quan hệ tới toàn thế giới. Trong việc tăng cường sự hợp tác để sử dụng năng lượng nguyên tử vào hòa bình, không những trên quan điểm kinh tế, mà cả trên những quan điểm khác, cũng đều là những cống hiến chủ yếu cho sự hợp tác quốc tế. Theo tôi, thì yêu cầu được hưởng và phổ biến một cách công bằng việc lợi dụng khoa học, là hoàn toàn chính đáng, vì những sự phát hiện đó thực tế là thành tựu của toàn thể loài người.

Tôi nghĩ có thể nói một cách không quá đáng rằng, chủ trương các nước có chế độ xã hội khác nhau cùng tiến hành những điều có tính chất xây dựng và cùng chung sống hòa bình, là biện pháp duy nhất để loại trừ tai họa chiến tranh. Chủ trương này hiện nay đã chiếm ưu thế... Để có thể củng cố tốt quan hệ giữa đôi bên và sự hợp tác có tính chất xây dựng, thì không kể là có sự khác nhau như thế nào về chế độ xã hội, thái độ không thành kiến và thiện ý đều là có ích và chính xác... »

« Người ta thường hay cho rằng, chung sống và chiến tranh lạnh là một bộ phận trong trạng thái lâu dài của mối quan hệ giữa các nước, nhất là quan hệ giữa các phe khối. Cách nhìn đó đã gạt bỏ những khả năng tìm ra con đường thoát của cục thế hiện nay. Trên thế giới này có một số nhân sĩ cho rằng có thể vừa dùng chính

sách thực lực, lại vừa chung sống. Nhưng, hai chính sách đó khác nhau về căn bản, đối kháng lẫn nhau. Ngoài điều này ra, thì những người chủ trương chính sách đó lại nghĩ rằng, chung sống chỉ là một trong những cơ sở tiến hành hợp tác giữa các nước và nhân dân các nước. Nhưng chúng tôi cho rằng, trong điều kiện hiện nay, đây không phải là một trong những cơ sở, mà là cơ sở duy nhất bảo đảm cho việc hợp tác một cách tích cực, đồng thời tạo khả năng giải quyết dần những vấn đề bức thiết trước mắt.»

«... Vậy thì hòa bình và chung sống tích cực thực chất là cái gì? Thủ đoạn dùng vũ trang xung đột để giải quyết những xích mích giữa nước này với nước khác, không phải là khái niệm duy nhất bội phản lại chung sống hòa bình. Các loại chiến tranh lạnh đều không thể có khả năng thực hiện hợp tác hòa bình và tích cực. Tất cả những việc đưa tin một cách sai lầm, việc tuyên truyền rộng rãi những điều giả dối và đối địch, cho đến những hiện tượng đố kỵ nhau giữa các nước, v.v., đều đi đến đầu độc bầu không khí quốc tế và làm rạn vỡ mối quan hệ giữa các nước.»

(Ti-tô: *Như trên*)

«Vì vậy chúng tôi cho rằng, đã đến lúc phải tiêu diệt những sự chia rẽ, hoặc ít nhất thì cũng tiêu diệt dần dần, hơn nữa phải đi lên con đường mới là hòa bình thương lượng, để đi tới chỗ hòa giải và hợp tác với nhau trong quan hệ quốc tế. Nhưng, cách làm tốt nhất là thông qua Liên hợp quốc để giải quyết những tranh chấp chưa giải quyết được; tổ chức có tính chất thế giới này được lập nên là nhằm mục đích như vậy.»

(Ti-tô: *Như trên*)

« Đã đến lúc mà thời gian đề ra những điều kiện thuận lợi để Liên hợp quốc trở thành người đề xướng và người giữ vai chính về những nguyên tắc đó [1]. »

(Ti-tô : *Diễn văn tại khóa họp lần thứ XVIII Đại hội đồng Liên hợp quốc*, ngày 22 tháng Mười 1963)

III. — VỀ VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VÔ SẢN VÀ CON ĐƯỜNG TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

« Đứng về bản chất của nó mà nói, hiện nay, chủ nghĩa xã hội đã là một cứ điểm không lớn, hay là một dinh lũy đầu cầu không lớn ; không cần có sự bảo vệ của những tổ chức chung kiên cố nào đó của giai cấp công nhân, nó cũng đứng vững được. Nhìn chung, thế giới hiện nay, xã hội loài người hiện nay, nếu có thể nói được như vậy, đều đã bước sâu vào chủ nghĩa xã hội, đã trở thành xã hội chủ nghĩa rồi. Điều đó không phải chỉ do giai cấp công nhân ở một số nước đã giành được chính quyền, do đó tự giác và công khai xây dựng một quan hệ, một hình thức xã hội chủ nghĩa mới ; mà còn vì cơ sở vật chất của thế giới hiện nay đã có những thành tựu về khoa học kỹ thuật và quy trình công nghệ trong sản xuất, giao thông, v.v... Tính chất tư liệu sản xuất hiện đại không những bảo đảm yêu cầu, mà còn quyết định cần có một quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới. »

« ... Trước mắt, ở đó[2] vẫn còn là loại hình thức cải tạo (một trong những hình thức), hoặc là loại hình thức

---

1. Tức là nguyên tắc chung sống hòa bình. (*Người trích*)
2. Tức là trong các nước tư bản chủ nghĩa. (*Người trích*)

trực tiếp chuẩn bị cải tạo, một hình thức biến xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Mọi người, nhân dân, nhà khoa học, xã hội loài người, trước mắt đều đang thực hiện cái sứ mệnh lịch sử ấy, không kể là họ có nhận thức được chủ nghĩa xã hội là gì hay không, không kể là họ có bị chủ nghĩa xã hội cổ vũ hay là quên mất nó rồi. Sở dĩ họ làm như vậy, vì thấy cần phải làm như vậy. Những nước phát triển tất nhiên phải đi con đường đó, vì họ không còn có thể cứ dùng những biện pháp cũ kỹ để duy trì sức sản xuất đã được phát triển, và cần phát triển thêm nữa sức sản xuất. Họ tất nhiên phải làm như vậy. Các nước lạc hậu cũng cần tìm tòi một hình thức xã hội chủ nghĩa mới, vì đó là điều kiện để phát triển nhanh chóng nền kinh tế và bảo vệ nền độc lập dân tộc mới giành được trước đây không lâu... »

«... Như vậy là, chủ nghĩa xã hội trước mắt đã có một cơ sở chính trị xã hội rộng rãi. Hiện nay việc đó không phải chỉ là việc của bản thân một chính đảng, thậm chí của một giai cấp công nhân nào, mà là việc của tuyệt đại đa số nhân dân. »

(Tô-đo-rô-vích [1] : *Tuyên ngôn về quan hệ giữa Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư với Đảng cộng sản Liên-xô*, đăng trên tạp chí *Người cộng sản* (Nam-tư), số các tháng Bảy - Tám 1956)

« Việc phát hiện năng lượng nguyên tử và việc sử dụng nguyên tử vào hòa bình là một nhân tố mới có ý nghĩa to lớn, có sức mạnh trong sự phát triển của tất

---

1. Tô-đo-rô-vích hồi đó giữ chức Phó tổng thống Nam-tư. (*Người trích*)

cả các mâu thuẫn hiện nay. Có thể mạnh dạn nói rằng: máy hơi nước sáng tạo ra giai cấp công nhân, tức là máy hơi nước trong quá trình phát triển sức sản xuất đã sáng tạo những bước nhảy vọt lớn lao; việc điện xuất hiện là động lực to lớn phát triển những nhân tố xã hội chủ nghĩa trong lòng xã hội cũ, mở ra một kỷ nguyên mới của cách mạng vô sản và đấu tranh cách mạng; sự phát hiện năng lượng nguyên tử cũng có nghĩa là một giai đoạn mới, to lớn trong việc phát triển hơn nữa sức sản xuất xã hội. Sự phát hiện năng lượng nguyên tử, đồng thời đã đánh dấu một giai đoạn mới và lớn lao trong việc phát triển hơn nữa lực lượng xã hội chủ nghĩa một cách tự phát và tự giác. »

(Vơ-la-hô-vích: *Bàn về những hình thức hợp tác của các lực lượng xã hội chủ nghĩa*, đăng trên tạp chí *Người cộng sản*, số các tháng Sáu-Bảy 1955)

« Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn đã tổ chức nền sản xuất xã hội trên một cơ sở rộng rãi hơn bằng cách kết hợp lại làm một nhiều xí nghiệp thuộc một hoặc nhiều khu hay nhiều ngành kinh tế. Nó tiếp tục phát triển sản xuất và xã hội hóa sản xuất. Sự tích tụ và tập trung ngày càng tăng của sản xuất đã tạo nên những khả năng rộng rãi hơn để đưa vào trong nền kinh tế những nhân tố kế hoạch hóa trong khuôn khổ các tổ chức lũng đoạn... »

« ... Để có thể phát triển được nền sản xuất xã hội, để làm dịu bớt những mâu thuẫn xã hội bên trong, để cố kéo dài thêm đời sống của chế độ tư bản chủ nghĩa, những lực lượng cầm đầu xã hội tư bản chủ nghĩa ở những miền khác nhau trên thế giới đồng thời lại bị bắt buộc phải thay đổi chế độ ấy bằng cách quốc hữu hóa một số chức năng kinh tế và như vậy là làm

yếu dần những cơ sở tư bản chủ nghĩa của chế độ ấy đi...»

«Những chức năng kinh tế khác nhau càng chuyển từ tư bản tư nhân sang Nhà nước; về phương diện này quyền của tư bản tư nhân càng bị hạn chế bởi những phương tiện khác — những thành phần kinh tế mới mà xu hướng khách quan là xã hội chủ nghĩa lại càng có áp lực mạnh hơn đối với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những hiện tượng nói trên tuy rất nhiều và rất rộng, và tuy thường thường chỉ biểu hiện dưới những hình thức mạnh nhất, nhưng nó cũng thấm qua những vết rạn nứt của chế độ tư bản...»

«...Những hình thức riêng biệt của những quan hệ của chủ nghĩa tư bản Nhà nước có thể hoặc là sự cố gắng cuối cùng của chế độ tư bản để tự bảo vệ, hoặc là bước thứ nhất tiến tới chủ nghĩa xã hội, nhưng đồng thời cũng có thể vừa là cái này vừa là cái kia...»

«...Những quan hệ chủ nghĩa tư bản Nhà nước cho phép những nhân tố điều chỉnh và kế hoạch hóa kinh tế xuất hiện trong chế độ tư bản chủ nghĩa...»

«...Quá trình khách quan của sự phát triển vẫn cứ tăng cường và mở rộng những tiền đề và những nhân tố xã hội và kinh tế của chủ nghĩa xã hội, vẫn cứ khách quan xích xã hội tư bản hiện đại đến gần chủ nghĩa xã hội...»

«...Nhà nước kiểm soát ngày càng chặt tư bản, thu hẹp từng phần quyền quản lý tư nhân đối với tài sản tư bản chủ nghĩa và rút bớt của những người sở hữu tư bản tư nhân một số chức năng độc lập trong nền kinh tế xã hội...»

«...Sự tiến hóa nội tại và những thay đổi của chế độ tư bản, áp lực tự giác và tự phát của giai cấp công nhân trong những điều kiện hiện đại, làm tăng vai trò

Nhà nước với cương vị là người điều hòa trong lĩnh vực quan hệ giữa lao động và chiếm hữu... »

«... Do ảnh hưởng của những kết quả đã thu được trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, người ta thấy biểu hiện ngày càng mạnh, trong thế giới tư bản những nhân tố xã hội và kinh tế nói trên [1], những nhân tố này làm cho việc xã hội hóa những tư liệu sản xuất do đó, làm cho sự chuyển sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa ngày càng không tránh được... »

(*Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*)

« Không phải chỉ duy nhất thông qua các đảng chính trị mà giai cấp công nhân đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Bằng vô số những cuộc bãi công ít nhiều quan trọng, từ một thế kỷ nay, các công đoàn đã tiến hành một cuộc « chiến tranh du kích » thực sự chống quyền lực của tư bản... Số lượng công nhân trong các công đoàn tăng lên, các công đoàn được củng cố đã làm cho các công đoàn thành lực lượng có tổ chức to lớn nhất, có tính chất quần chúng nhất của giai cấp công nhân. »

« Rất có thể là ở những nước như nước Mỹ chẳng hạn, hiện không có những chính đảng cổ điển của giai cấp công nhân, thì trước hết chính là thông qua công đoàn, giai cấp công nhân có tổ chức ngày càng thâm nhập quá trình phát triển của các lực lượng xã hội chủ nghĩa tự giác, quá trình đấu tranh nhằm tăng cường ảnh hưởng xã hội của giai cấp công nhân, và giành vai trò lãnh đạo của nó trong hệ thống chính quyền. »

(*Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*)

---

1. Chỉ những nhân tố mà bọn xét lại Nam-tư gọi là những nhân tố « xã hội chủ nghĩa » dưới chế độ tư bản chủ nghĩa như quốc hữu hóa v.v. (*Người trích*)

« Cách mạng không có nghĩa là một cuộc phá vỡ hoàn toàn và máy móc « cái cũ », không có nghĩa là bước nhảy vọt từ số lượng sang chất lượng xã hội mới. Cách mạng là một cuộc thắng lợi của những yếu tố chính trị và kinh tế tiến bộ nhất phát triển trong lòng xã hội cũ. Những yếu tố đó sẽ đem lại những dấu vết cho xã hội mới trong một mức độ như thế nào, cái đó tùy thuộc không những ở sự cấp tiến của cách mạng tức là tính chất tiếp tục cách mạng của các lực lượng chính trị lãnh đạo, mà còn ở lực lượng khách quan và vai trò của các yếu tố kinh tế xã hội tiến bộ trong cơ cấu kinh tế xã hội nói chung của một xã hội nào đó. »

(Các-đen : *Báo cáo về Cương lĩnh* trình bày ngày 24 tháng Tư 1958)

« Hiện nay lịch sử đã có khả năng là, ở những nước phát triển cao chưa thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa bằng con đường bạo lực, có thể thực hiện những sự thay đổi trong kết cấu quan hệ kinh tế và quan hệ xã hội, những sự thay đổi này bao hàm trong nó những nhân tố rõ ràng là phủ định chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân các nước đó đã từ quần chúng vô sản hoàn toàn không có chút quyền hành, bị đàn áp trong xã hội, trở thành một lực lượng xã hội độc lập, có tổ chức tốt ; thông qua công đoàn và chính đảng của nó, nó có thể không những đảm bảo cải thiện rất nhiều đời sống vật chất của mình, mà còn có ảnh hưởng ngày càng lớn đến phương hướng chung của sự phát triển xã hội. »

(N. Pa-sích : *Chủ nghĩa xã hội là một quá trình thế giới*, đăng trên tạp chí *Na-sa Sto-va-rơ-nớt*, số 5 năm 1958)

« Tôi cho rằng, luận điểm của Đảng Cộng sản Ý về mối quan hệ chặt chẽ giữa cuộc đấu tranh giành dân

chủ và cuộc đấu tranh giành chủ nghĩa xã hội, có một ý nghĩa đặc biệt. Căn cứ vào quan điểm nhất trí của Đại hội [1], trong điều kiện của Ý và các nước Tây Âu, giành dân chủ phải là việc của giai cấp công nhân, động viên quần chúng chống âm mưu của bọn phản động làm biến chất những cơ cấu dân chủ. Đồng thời, căn cứ vào quan điểm đó, cần phải làm cho những cơ cấu dân chủ ngày càng có nội dung xã hội và kinh tế một cách xác đáng, khiến nó thích ứng với điều kiện và nhu cầu tiến bộ hiện nay. Giá trị và ý nghĩa của việc cải cách cơ cấu kinh tế, việc quốc hữu hóa, và khiến nền kinh tế phát triển thực hành quy hoạch của Nhà nước, là ở chỗ này. Những người cộng sản Ý tin tưởng vào sự tiến triển về mặt dân chủ trong cơ cấu Nhà nước Ý hiện nay. Với sự tham gia của quảng đại quần chúng nhân dân, có thể thực hiện được những cải cách sâu sắc theo như hiến pháp nước Ý đã quy định; do đó có thể thực hiện được một phong trào như sau: dần dần và thông qua nhiều hình thức khác nhau, làm thay đổi sự so sánh lực lượng hiện nay, và tạo ra những điều kiện cho giai cấp công nhân thực hiện những nhiệm vụ mà họ cần có.»

(Cô-li-xép-ski [2]: *Bài nói chuyện với ban biên tập tạp chí Người cộng sản* (Nam-tư) ngày 19 tháng Chạp 1962)

---

1. Chỉ Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Ý. (*Người trích*)

2. Cô-li-xép-ski là ủy viên Ban Chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, trưởng đoàn đại biểu Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư dự Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Ý. (*Người trích*)

IV.— VỀ VẤN ĐỀ CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

« Trước hết, chúng tôi cho rằng, nếu như trên thực tế chúng tôi đã thực hiện chính quyền xã hội chủ nghĩa, hơn nữa thông qua mọi hình thức dân chủ để quần chúng lao động tham gia rộng rãi chính quyền xã hội chủ nghĩa, nếu như chúng tôi biết rằng một câu chuyên chính vô sản cũng chẳng nói lên được tất cả, thì cũng không cần thiết cứ phải phất không ngừng chiếc khăn tay màu đỏ chuyên chính vô sản. Chính quyền nhân dân lao động chính là bắt đầu từ nền chuyên chính cực đoan của giai cấp vô sản biểu hiện trong các loại hình thức có mức độ khác nhau, tới chính quyền liên hợp và chính quyền song trùng... trong những chính quyền đó giai cấp công nhân vẫn đóng vai trò lãnh đạo. Hơn nữa, chúng tôi cho rằng, chính quyền của giai cấp công nhân cần phải hướng vào việc mở rộng các loại hình thức dân chủ của chính quyền nhân dân tới các tầng lớp công dân rộng rãi. Chuyên chính vô sản chỉ nên biểu hiện ở tác dụng lãnh đạo vô điều kiện của giai cấp công nhân, chứ không nên tước bỏ những khả năng của quảng đại quần chúng trực tiếp tham gia quản lý Nhà nước và quản lý xã hội bằng các loại cơ cấu dân chủ. Tuy trong sự phát triển hiện nay của chúng tôi có khuyết điểm, nhưng thực tiễn đã chứng minh những nguyên lý cơ bản của chúng tôi là chính xác. Đồng thời chúng tôi căn cứ vào nguyên lý của chủ nghĩa Mác mà hành động, tức là giai cấp vô sản không nên vì thắng lợi của bản thân mà đặt ra một chế độ tư tưởng cứ phải ức đoán trước bất cứ một việc gì, mà chỉ nên làm việc giải phóng những lực lượng xã hội chủ nghĩa đã phát triển trong lòng xã hội cũ. Theo chúng tôi thì

Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ làm nhiệm vụ giải phóng những lực lượng đó và bảo vệ nó phát triển tự do không bị những lực lượng khác phản kích; đó cũng là chuyên chính vô sản hiểu theo ý nghĩa nói trên.»

(Các-đen: *Bài nói chuyện với Lông-gô*[1]; đăng trên báo *Chiến đấu* (Nam-tư) ngày 24 tháng Chạp 1956)

«Coi chuyên chính vô sản chỉ là vấn đề bạo lực, xem chuyên chính vô sản một cách giáo điều, đều là sai. Mọi sự vật đều đang phát triển. Nhưng, cái bản chất nhất trong chuyên chính vô sản là chính quyền nhân dân. Muốn củng cố nó, làm cho nhân dân hiểu nó, ủng hộ nó, thì trước hết nền chuyên chính của giai cấp vô sản phải quán triệt chủ nghĩa nhân đạo. Từ đó có thể thấy rằng, không phải cứ khi người cộng sản nắm được chính quyền rồi, thì phải trả thù những nhân vật đại biểu của chế độ cũ. Ngược lại, họ cần phải phát triển mối quan hệ mới.

Từ trước đến nay, chúng ta chưa bao giờ phản đối chuyên chính vô sản, nhưng chúng ta thường nhấn mạnh rằng, chúng ta phản đối việc coi chuyên chính vô sản trước hết là bạo lực. Không nghi ngờ gì cả, chế độ của chúng ta bao gồm các loại nhân tố của chuyên chính vô sản. Ở nước chúng ta, tác dụng của Đảng rất lớn. Nhưng chỉ khi nào Đảng có uy tín rất lớn đối với quần chúng do kiên nhẫn làm công tác thuyết phục quần chúng, thì Đảng mới phát huy được tác dụng của mình. Tính chất vững vàng của chế độ chúng ta là ở chỗ nó

---

1. Lông-gô là một cán bộ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Ý. (*Người trích*)

diễn đạt được nguyện vọng của quần chúng, ở chỗ nó là chính quyền của nhân dân lao động. »

(Ti-tô : *Bài nói chuyện với ban biên tập báo Chiến đấu nhân dịp kỷ niệm ngày 1 tháng Năm 1957*)

« Việc Nhà nước quản lý sinh hoạt kinh tế là một điều cần thiết trong các nước xã hội chủ nghĩa chừng nào mà chưa thu hẹp được bộ phận lạc hậu chủ yếu, chưa hình thành nên bộ máy quản lý xã hội tập trung và phân tán, dân chủ đối với bản thân người sản xuất... Trong khi chấp hành những chức năng của mình trong kinh tế, Nhà nước có xu hướng tước bỏ những động lực bên trong của nền kinh tế. Khi những xu hướng đó biểu hiện ra mạnh hơn thì Nhà nước có thể biến thành một nhân tố làm đình trệ và kìm hãm sự phát triển xã hội, thành một nhân tố cản trở việc xây dựng các bộ máy xã hội mới có nhiệm vụ đảm bảo phát triển chủ nghĩa xã hội hơn nữa... Xuất hiện những hiện tượng đặc thù của thời kỳ quá độ : bệnh quan liêu và những biến dạng của bệnh quan liêu Nhà nước trong sự phát triển của quan hệ xã hội chủ nghĩa. »

«...Kinh nghiệm của chúng tôi cũng như của các nước xã hội chủ nghĩa khác chứng minh rằng : việc độc quyền quản lý kinh tế và đời sống xã hội trong tay bộ máy Nhà nước dẫn đến tình trạng là quản lý ngày càng tập trung, bộ máy Nhà nước ngày càng hợp nhất chặt hơn với bộ máy của Đảng ; nó dẫn đến sự tăng cường những bộ máy đó và cuối cùng đến khuynh hướng độc lập của những bộ máy đó và khuynh hướng của những bộ máy đó tự cho mình là một lực lượng ở trên xã hội. »

« ...Vấn đề Nhà nước tiêu vong đang trở thành vấn đề cơ bản và có tính chất quyết định đối với chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa... »

« . . . Mục đích của cách mạng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa không phải là xây dựng một xã hội mới . . . theo những khái niệm, những lý thuyết xây dựng ra từ trước. Nhiệm vụ của nó chỉ là ở chỗ giải phóng các nhân tố kinh tế và xã hội của chủ nghĩa xã hội đã được phát triển ngay trong lòng xã hội cũ và phải trở thành người đại biểu cho sự phát triển xã hội chủ nghĩa về sau này. »

« . . Những người cộng sản Nam-tư cho rằng Nhà nước, nghĩa là bộ máy chỉ huy, và các biện pháp hành chính của nó hoàn toàn không phải là công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và để giải quyết những mâu thuẫn nội tại của sự phát triển xã hội chủ nghĩa. Bộ máy Nhà nước không thể là nhân tố quyết định lâu dài và phổ biến của sự phát triển các quan hệ xã hội mới. Đặc biệt, những người cộng sản Nam-tư không thể và không muốn dùng bộ máy Nhà nước để nắm lấy quyền hành thay cho giai cấp công nhân và quần chúng lao động. »

(Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư)

« Một trong những nguyên lý cơ bản của Sta-lin mà mọi người đều biết rõ là : việc tăng cường không ngừng vai trò Nhà nước và tác dụng xã hội của nó sẽ là động lực cơ bản để phát triển chủ nghĩa xã hội. Sự thực là, nguyên lý ấy chỉ có thể phát sinh tác dụng trong hai trường hợp như sau : một là, trong điều kiện phong trào công nhân đang thông qua cơ cấu dân chủ của giai cấp tư sản mà giành lấy địa vị xã hội ; hai là, trong điều kiện cách mạng trực tiếp, phong trào công nhân dùng sức mạnh của cơ cấu Nhà nước để phá hủy quan hệ xã hội cũ. Nhưng nếu nguyên lý đó trở thành một nguyên lý chung chung, không phải là vì bảo đảm điều

kiện chính trị và kinh tế để chủ nghĩa xã hội được tự do phát triển, mà là để xây dựng bản thân quan hệ xã hội chủ nghĩa, thì việc làm đó tất sẽ đưa đến chỗ là làm tăng quyền lực tuyệt đối của bộ máy Nhà nước, có nghĩa là Nhà nước không còn trở thành vũ khí của lực lượng xã hội chủ nghĩa mà trở thành chúa tể, thành một lực lượng siêu xã hội và là cơ sở kinh tế của chủ nghĩa quan liêu. »

(Các-đen : *Báo cáo ở hội nghị các phần tử tích cực của đảng bộ Ô-xlô của Công đảng Na-uy*, tháng Mười 1954)

« Hội đồng công nhân không những đã được lập ra, hơn nữa, kết hợp với công xã, nó đã trở thành cơ cấu chính trị và kinh tế rất trọng yếu. Giai cấp công nhân trước hết phải lợi dụng cơ cấu đó để thực hiện tác dụng lịch sử của đại biểu xã hội hướng tới chủ nghĩa xã hội, hướng tới xã hội của giai cấp vô sản. Cho nên ý nghĩa của Hội đồng công nhân đã vượt qua phạm vi đấu tranh của bản thân chúng ta để giành lấy chủ nghĩa xã hội. Nó sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Tức là trước mắt, làm cho kẻ thù của chủ nghĩa xã hội mất những luận cứ để phản đối cái cơ cấu kinh tế và chính trị của giai cấp công nhân. »

(Các-đen : *Bốn năm kinh nghiệm*, 12 tháng Tám 1954)

« Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư không phải là một chính đảng. Tuy nó là công cụ chính trị của phong trào công nhân, nhưng nó không phải là một chính đảng theo ý nghĩa cổ điển. Ở đây, về thực chất là một sự liên hợp những người nhất trí về tư tưởng. Cơ sở hoạt động xã hội chính trị và kinh tế của họ,

đều là lấy nguyên tắc của Mác về việc phát hiện khoa học và phát triển hơn nữa toàn bộ nền khoa học xã hội chủ nghĩa. Họ không yêu cầu chiếm địa vị lũng đoạn trong cơ cấu Nhà nước, mà chỉ đấu tranh để thực hiện những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa trong thực tiễn của quần chúng lao động và cơ quan tự trị của họ. »

(Các-đen: *Báo cáo ở hội nghị những phần tử tích cực của đảng bộ Ô slô của Công đảng Na-uy*, tháng Mười 1954)

« Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư cho rằng giáo điều về sự độc quyền của Đảng trong chính quyền, xem nó là một nguyên tắc phổ biến và « vĩnh viễn » của chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội là không thể đứng vững được. »

« ... Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư trong thực tế nước ta sẽ dần dần giảm bớt tác dụng là nhân tố quyền lực, mà ngày càng trở thành nhân tố giáo dục và phát triển ý thức xã hội chủ nghĩa trong quần chúng lao động. »

... « Sau này, theo đà phát triển và sự tăng cường các hình thức ngày càng mở rộng của dân chủ xã hội chủ nghĩa trực tiếp, vai trò lãnh đạo của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư sẽ mất dần ... »

(*Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư*)

« Một số người làm công tác công đoàn và công tác chính trị phương Tây, vì không hiểu (hoặc là không muốn hiểu) mối quan hệ giữa Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư và Công hội, nên cho Công hội chúng ta là một tổ chức chính trị, không thể hoạt động độc lập tách rời Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư,

chỉ nghe theo mệnh lệnh của Liên đoàn, v.v.. Sự thực thì mối quan hệ giữa Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư với Công hội là sự hợp tác mật thiết trong cuộc đấu tranh chung xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong sự hợp tác đó không có ai cao ai thấp, không có ai ra mệnh lệnh, không có ai nghe mệnh lệnh. Công hội sau khi đã được bàn bạc trong các hội viên, sẽ độc lập định ra cương lĩnh, chính sách và thông qua nghị quyết của mình. »

(U - a - nô - vích[1] : *Công hội và chính đảng*)

« Trong lý luận của Sta-lin thường lưu hành quan niệm cho rằng trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, khái niệm chế độ sở hữu và chế độ công hữu giống nhau. Thứ lý luận đó phù hợp với khái niệm của chủ nghĩa quan liêu về tác dụng của Nhà nước.

Trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, những sản phẩm của các xí nghiệp thuộc chế độ công hữu không thể coi là sở hữu của Nhà nước, cũng có nghĩa là, không thể coi là tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan không chịu ảnh hưởng trực tiếp của công nhân (những người trực tiếp sản xuất ra những sản phẩm đó). Sản phẩm đó là tài sản của sự thống nhất của những người sản xuất trong mâu thuẫn sở hữu tập thể, công hữu và tư hữu. Nếu đem tách rời hai yếu tố đó ra, thì chỉ có thể hoặc là biến công nhân thành nô lệ của chế độ Nhà nước quan liêu chủ nghĩa, hoặc là phế bỏ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. »

(Các-đen : *Báo cáo trước Quốc hội Nam-tư*, ngày 7 tháng Chạp 1956)

---

1. U-a-nô-vích là Tổng thư ký Liên hiệp công hội Nam-tư. (*Người trích*)

« Quốc hữu hóa tư liệu sản xuất cũng không thể đồng thời tiêu diệt được khả năng bóc lột. Vì nếu việc Nhà nước quản lý tư liệu sản xuất cứ kéo dài mãi, thì sẽ làm nảy ra sự bóc lột của khuynh hướng quan liêu chủ nghĩa. Xã hội Liên-xô và những nước tòng thuộc đã chứng minh rằng : giai cấp công nhân chỉ đánh đổ các nhà tư bản và tịch thu tài sản của nó, thì vẫn chưa đủ, hoặc là chỉ như vậy thôi, thì cũng không thể tiêu diệt được hiện tượng người bóc lột người. Kẻ bóc lột mới của chủ nghĩa tư bản Nhà nước kiểu quan liêu sẽ thay thế các nhà tư bản tư nhân cũ. Chỉ có lập nên nền tự trị của nhân dân, và do người trực tiếp sản xuất đứng ra phân phối sản phẩm của lao động thặng dư, thì mới ngăn chặn được việc đẻ ra hiện tượng nói trên.

Ở Liên-xô, nhân dân lao động đã đánh đổ chính quyền tư bản, tịch thu tài sản của bọn đi bóc lột, nhưng vì nhà máy hoàn toàn do Nhà nước quản lý, nên những nhà máy đó chưa bao giờ thành tài sản chung của toàn quốc, và cũng không làm cho những người làm việc và sáng tạo ra tài phú ở trong những nhà máy đó được hưởng bất cứ một quyền lợi nào. Một tầng lớp đặc biệt thay thế cho sự tự trị của nhân dân và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chân chính. »

(Bô-svích[1] : *Báo cáo về tiền lương mới*, trình bày tại hội nghị đại biểu công hội tháng Mười 1951)

« Nói một cách khác, nếu đem những việc mà chúng ta nói ở đây so sánh một chút, thì có thể thấy rõ không có cái gì gọi là « sự kiện Nam-tư », ở đây chỉ tồn tại

---

1. Bô-svích là thư ký Liên hiệp công hội Nam-tư. (*Người trích*)

hai loại chủ trương hoàn toàn khác nhau về vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội: một loại, xuất phát từ tác dụng kích thích quan hệ kinh tế trong đời sống và công tác của công nhân — người sản xuất; loại kia thì xuất phát từ tác dụng lãnh đạo giám đốc của Nhà nước. Mâu thuẫn cơ bản trong thực tiễn chủ nghĩa xã hội hiện nay, và trong việc phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa là ở chỗ này. Không ai có thể lẩn tránh được nó. Do đó nảy ra hai phương châm trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội: một phương châm là, cố sức duy trì quan hệ sở hữu Nhà nước, vì thế mà coi việc cải tiến bộ máy Nhà nước quản lý sản xuất và phân phối là sự tiến bộ của chủ nghĩa xã hội; phương châm kia là, cố gắng tiếp tục và thường xuyên cải tiến quan hệ kinh tế mới trong cơ sở xã hội, khiến cho quan hệ sản xuất ăn khớp với quan hệ phân phối, coi quan hệ kinh tế đó là động lực của tiến bộ xã hội, nhờ đó dần dần biến Nhà nước từ chỗ là kẻ có quyền sở hữu và là ông chủ, thành người đày tớ cho những người công tác trong quan hệ kinh tế ấy. Đi theo đường này hay đường kia, dùng tốc độ này hay tốc độ khác, gặp nhiều hay ít khó khăn, đó là vấn đề của mỗi nước xã hội chủ nghĩa cần giải quyết. »

« ... Người ta công kích cách nhìn của chúng ta đối với tác dụng sản xuất hàng hóa trong thời kỳ quá độ. Chúng ta xuất phát từ sự thực dưới đây: trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa là cần thiết, vì rằng bất cứ một pháp lệnh nào (dù là lực lượng cách mạng), đều không thể từ bỏ được việc sản xuất hàng hóa. Nói cách khác, cần phải có nhiều hàng hóa cho đến khi bản thân cung cầu và giá cả đều mất ý nghĩa xã hội thực tế. Xuất phát từ sự thực dưới đây: tính chất hàng hóa của sản phẩm chỉ có thể mất đi trên cơ sở sản phẩm ngày càng tăng phong phú để phân phối ngày càng tự do cho nhu cầu của mỗi người,

còn pháp lệnh và sự bình luận khả nghi của các nhà lý luận kinh tế thực dụng chủ nghĩa đều không thể thủ tiêu được tính chất hàng hóa. Phương châm của chúng ta là tổ chức tốt hơn nữa việc sản xuất hàng hóa, tổ chức tốt hơn nữa thị trường tự do xã hội chủ nghĩa; đứng trên ý nghĩa phân phối ngày càng tự do mà nói, thì thị trường ngày càng tự do, nhưng đứng về khả năng ảnh hưởng của bản thân thị trường đối với quan hệ kinh tế và xã hội mà nói, thì tự do ngày càng ít.»

«... Có người công kích chúng ta chủ trương thị trường xã hội chủ nghĩa tương đối tự do, (đương nhiên, nó khác hẳn với thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản), tức là lùi lại trạng thái sản xuất vô chính phủ, là vứt bỏ kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa. Nhưng như trên đã nói, cuối năm 1958, chính Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên-xô Khơ-rút-sốp cũng đã nói: «Nguyên tắc buôn bán sản phẩm tự do sẽ dần dần mở rộng đến tất cả mọi ngành kinh tế...»

(Các-đen: *Diễn văn khai mạc hội nghị Ban Chấp hành liên minh nhân dân lao động xã hội chủ nghĩa*, ngày 5 tháng Năm 1959)

«... Do thị trường được tự do, cho nên các xí nghiệp đều ở trong trạng thái cạnh tranh. Chất lượng của sản phẩm được tốt, giá cả hạ cũng đều do sự thành công trên thị trường. Áp lực cạnh tranh trên thị trường để nâng cao chất lượng hàng hóa và hạ thấp giá cả, cho đến những điều kiện vật chất của toàn thể công nhân, thậm chí của tất cả nhân viên công xã, cũng đều phải dựa vào tình hình thành công của thị trường.»

(Các-đen: *Báo cáo trước hội nghị những phần tử tích cực của đảng bộ Ô-slô Công đảng Na-uy*, tháng Mười 1954)

«...Khi mỗi người lao động ngày càng nhận rõ lợi ích cá nhân của họ gắn liền với lợi ích của tập thể xã hội, nhận thức rõ được rằng chỉ có thông qua cơ cấu tự tổ thích đáng mới có thể bình đẳng tham gia giải quyết vấn đề lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, thì ý chí đó mới nổi lên rõ rệt. Chính trong điều kiện ấy, trong điều kiện tư liệu sản xuất công hữu hóa, thì những kinh nghiệm mà loài người đã quen biết từ lâu mới được thể hiện ra đầy đủ. Kinh nghiệm đó là: chất lượng sáng tạo của cá nhân lao động, không kể là về mặt tinh thần hay thể lực, đều không thể có được bằng cách dùng sự can thiệp từ ngoài (khống chế hay kiểm tra); trước hết và chủ yếu là do chất lượng bản thân của người sáng tạo, chất lượng và sức mạnh của ý chí sáng tạo của họ mà có. Xã hội xã hội chủ nghĩa trước hết là phải giải phóng ý chí cá nhân đó, thứ nữa là làm cho ý chí đó được sự giáo dục xã hội và giáo dục chuyên môn một cách thường xuyên...»

(Các-đen: *Như trên*)

«Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không phải giản đơn «áp dụng» hợp tác xã sản xuất, mà là thúc đẩy một cách toàn diện và có tổ chức sự phát triển từng bước của những lực lượng xã hội chủ nghĩa ở trong quan hệ kinh tế nông thôn, đồng thời xây dựng những nhân tố chủ quan và khách quan cho sự phát triển cơ sở vật chất đó.

Nhược điểm tư tưởng và nhược điểm kinh tế chủ yếu trong phong trào hợp tác xã sản xuất trước đây của chúng ta là gì? Nhược điểm đó trước hết là vì chúng ta đã tiếp thụ quan điểm dưới đây: cho rằng bất kể là tính chất và sự phát triển của tư liệu sản xuất như thế nào, cứ giản đơn liên hợp ruộng đất lại và tiến hành liên hợp lao động là có thể có kết quả kinh tế to lớn và

xây dựng được quan hệ xã hội chủ nghĩa. Nếu mà đúng như vậy, thì nông thôn trong thời trung cổ cũng đã có chủ nghĩa xã hội rồi. Đó thực là một nguyên lý theo chủ nghĩa công thức, nó không có liên hệ gì với chủ nghĩa Mác...»

«...Tôi cho rằng, khi thảo luận về việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn nước ta, chúng ta xuất phát từ vấn đề liên hợp những nông hộ phân tán lại (hoặc thông qua việc cải tiến quan hệ chiếm hữu, hoặc thông qua nhiều hình thức tổ chức, hình thức hợp tác xã sản xuất) là hoàn toàn sai lầm. Hơn nữa, chúng ta đều đồng ý rằng, trong điều kiện xã hội của nước ta bất cứ quốc hữu hóa về mặt kinh tế hay về mặt chính trị cũng đều không có trong sự suy nghĩ của chúng ta ; chúng ta đều nhất trí cho rằng, dùng phương pháp gây phong trào xây dựng hợp tác xã sản xuất thì bất cứ về mặt kinh tế hay chính trị cũng đều có hại đối với chúng ta. Cho nên nếu ta cứ ngừng lại ở xuất phát điểm này và hai phương pháp giải quyết này, thì chúng ta không thể tiến lên được, hơn nữa sẽ bắt buộc phải dùng biện pháp hành chính. Nhưng không nghi ngờ gì cả, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có đầy đủ lực lượng kinh tế, lực lượng chính trị và thủ đoạn, thông qua những chính sách kinh tế chính xác ngăn ngừa quyền tư hữu ruộng đất là trở ngại cho việc phát triển nông thôn xã hội chủ nghĩa. Nói một cách khác, không kể là còn tồn tại quyền sở hữu tư nhân như thế nào đối với ruộng đất, chúng ta vẫn có thể có những thành tích xuất sắc trong việc phát triển quan hệ xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.»

(Các-đen : *Báo cáo trước hội nghị liên hợp hợp tác xã Nam-tư*, tháng Tư 1956)

« Xu hướng dùng hình thức đặc biệt có tính chất tước bỏ quyền sở hữu nông dân là tập thể hóa để giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp ở nước ta đã hoàn toàn lỗi thời rồi. Ở nước chúng ta, không thể thực hành tập thể hóa, vì nó có mâu thuẫn với việc phát triển mọi mặt, đặc biệt là mâu thuẫn với vấn đề quan hệ tài sản, với trình độ phát triển vật chất. Dù là hiện nay hay sau này cũng thế, ở nước ta không ai còn hy vọng dựa vào tập thể hóa làm biện pháp giải quyết các vấn đề nữa. »

(S. Cô-ma : *Báo cáo tại kỳ họp năm 1957 của Quốc hội Nam-tư*)

« Chúng ta sẽ đi theo con đường đặc biệt để đi tới mục tiêu. Tôi nói con đường đặc biệt, nhưng không phải là một phát hiện gì mới. Thực ra đó chỉ là đi theo con đường của Lê-nin, tức là vận dụng về nguyên tắc tư tưởng sẵn có của chủ nghĩa Mác — Ăng-ghen. Xét đến cùng, đó chỉ là những thực tiễn kinh tế của nông dân các nước tư bản chủ nghĩa, được dùng làm điều kiện thích ứng với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc điểm ở đây chỉ là quá trình này diễn ra trong một nước không bắt buộc dùng hình thức phong trào tập thể hóa, một biện pháp Sta-lin-nít, để cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn ; vì với điều kiện kinh tế và chính trị sẵn có ở nước ta, có thể dần dần thực hiện được quá trình đó, và bớt được những hỗn loạn về chính trị và kinh tế sẽ nảy ra trong đời sống xã hội. »

(Các-đen : *Diễn văn khai mạc hội nghị Ban Chấp hành liên minh nhân dân lao động xã hội chủ nghĩa Nam-tư*, ngày 5 tháng Năm 1959)

V.— ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI ĐẾ QUỐC MỸ

« Thời gian trước đây, quan hệ với Mỹ, Anh, Pháp[1] phát triển rất tốt. Sự liên hệ giữa chúng ta với các nước đó về chính trị cũng như kinh tế đã được củng cố trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Những hành động của chính phủ các nước đó có ý nghĩa lớn lao trong việc bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ toàn vẹn của nước Cộng hòa liên bang Nam-tư. Đó là một nhân tố có tác dụng quyết định nền hòa bình, an ninh của một bộ phận trên thế giới này. Sự phát triển thuận lợi của mối quan hệ này có bảo đảm chắc chắn, trước hết là họ[2] đứng trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng, và khi đề ra sự hợp tác với nhau, không hề đòi hỏi kèm theo một điều kiện chính trị nào.

Chính phủ các nước Mỹ, Anh và Pháp đã tỏ rõ lập trường của mình trước hết bằng sự viện trợ kinh tế cho nước ta, hơn nữa Chính phủ Mỹ, Anh còn viện trợ cho chúng ta về quân sự. Lập trường đó còn được chứng thực ở bản Tuyên ngôn chính thức bảo vệ nền độc lập và an toàn của Nam-tư...»

(Ti-tô : *Phát biểu trước Quốc hội Nam-tư*, ngày 29 tháng Giêng 1959)

« Việc làm dịu lại tình hình căng thẳng trên thế giới, mở ra những khả năng mới nhất định, có thể tiếp tục xóa bỏ tình hình căng thẳng. Khi chúng ta nghĩ tới tính tất yếu của nền an toàn, thì mỗi người, đứng ở phạm vi của mình, có thể lợi dụng thời gian tìm ra những biện pháp giải quyết có tính chất lâu dài. Tôi tin rằng

---

1. Quan hệ giữa Nam-tư với Mỹ, Anh, Pháp. (*Người trích*)
2. Chỉ Mỹ, Anh, Pháp. (*Người trích*)

về mặt này, các nước phương Tây và nước Mỹ đều có thể phát huy tác dụng rất lớn. Ở đây, tôi căn cứ vào kinh nghiệm của bản thân là, trong những lúc chúng ta khó khăn nhất thì nước Mỹ, Anh và Pháp đã có những sự giúp đỡ quý báu đối với chúng ta, đến nay một số mặt trong sự giúp đỡ đó vẫn tiếp tục. Ngoài những cái đó, sau chiến tranh, nước Mỹ còn mang lại cho chúng ta những nhân tố hoàn toàn mới để giải quyết những khó khăn sau thời chiến (tất nhiên, có thể cũng vì xuất phát từ lợi ích dân tộc của họ), và sự giúp đỡ về kinh tế theo kiểu mới, đặc biệt có lợi. Khi đó họ không đòi hỏi phải kèm theo một điều kiện nào, đặc biệt là đối với nước chúng ta, những điều kiện như vậy sẽ có thể phá hoại chủ quyền và nền độc lập của chúng ta. Chúng ta tin rằng, những nhân tố có ảnh hưởng về mặt này sẽ tiếp tục phát huy tác dụng của nó, và sẽ trở thành một phương pháp tốt xây dựng lòng tin cậy giữa các nước và nhân dân các nước, giải quyết mọi vấn đề tranh chấp nhau. »

(Ti-tô : *Phát biểu trước Quốc hội Nam-tư*, ngày 25 tháng Mười 1954)

« Biết nói gì về chính sách của bản thân nước Nam-tư đây khi mà châu Âu bị chia xẻ, Nam-tư vẫn kiên trì lập trường trung lập của mình. Lập trường này đã đem lại cho châu Âu nhiều ích lợi hơn những quan hệ bằng công ước này nọ. Cần nói rằng, về thực tế Nam-tư đứng về phía các nước phương Tây, lợi ích của Nam-tư phù hợp với lợi ích của những Nhà nước châu Âu đang đấu tranh bảo vệ hòa bình. »

(Ti-tô : *Nói chuyện với phóng viên báo Thời mới* (của Anh) ngày 3 tháng Ba 1954)

« Quan hệ giữa Mỹ và Nam-tư đạt được những thành quả to lớn, là vì nó được phát triển trên một cơ sở lành mạnh và hiện thực. Chúng ta cho rằng, thái độ hiện thực này là cơ sở lành mạnh cho mối quan hệ tốt đẹp về sau này. Dù trong quan hệ đó thường nảy ra những khó khăn—những khó khăn này là kết quả của một bên nào đó đã có thái độ thoát rời chủ nghĩa hiện thực — nhưng thái độ ấy lại được quyết định bởi lợi ích chung của hai nước và những ý kiến giống nhau về vấn đề hòa bình và an ninh trên thế giới. Sau này chúng ta phải gìn giữ thái độ đó để tránh những sự hiểu lầm, không tin cậy nhau và nguy hiểm. Chỉ có những điều kiện như vậy, mối quan hệ của chúng ta mới được củng cố và đáng tin cậy, mới có thể không những là mang lại lợi ích cho hai nước chúng ta, mà còn mang lại lợi ích cho sự nghiệp an ninh trên thế giới ».

(Các-đen : *Những vấn đề cơ bản của Nam-tư hiện nay và quan hệ Nam-tư — Mỹ* đăng trên tạp chí *Ngoại giao* của Mỹ số tháng Bảy 1956)

« Tôi công nhận rằng ở nước Anh, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, Sớc-sin là một vĩ nhân, ông ta đã biểu lộ cái vĩ đại của ông ta trong khi làm một người đứng đầu Nhà nước và là một nhà hoạt động chính trị. Tổng thống Ai-xen-hao là một nhân vật đã nỗ lực bảo vệ hòa bình và là một nhà quân sự, tôi đánh giá rất cao ông ta... Tôi rất tôn sùng ông Nê-ru, ông đã đoàn kết một dân tộc bị phân chia thành dân tộc Ấn-độ thống nhất. Nhân dân Ấn-độ đã đi theo ông. Tôi coi ông Nê-ru là người bảo vệ hòa bình rất vĩ đại, là một nhà chính trị chấp hành chính sách hòa bình. Đồng thời tôi cũng tôn sùng ông Nát-xe, ông ta đã hiểu rõ nguyện vọng của nhân dân nước mình, đã hết sức làm việc để liên hợp

MỘT SỐ TÌNH HÌNH THỰC TẾ VÀ VIỆC LÀM CỤ THỂ CỦA BỌN XÉT LẠI NAM-TƯ

I.— MẤY ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH TẾ NAM-TƯ

1 — Chế độ chiếm hữu tư nhân là cơ sở căn bản của nền kinh tế Nam-tư

Từ năm 1950, sau khi tập đoàn Ti-tô ban hành « chế độ tự quản », các xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ v.v. trước đây tập trung trong tay Nhà nước đã biến thành sở hữu của « tập thể công nhân ». Các « tập thể công nhân » hoàn toàn độc lập trong việc chi phối tư liệu sản xuất và các sản phẩm làm ra; tự mình định đoạt kế hoạch sản xuất, giá cả sản phẩm, và phân phối thu nhập trong xí nghiệp.

Hiến pháp mới của Nam-tư còn quy định: « Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và những hoạt động tương tự, công dân được phép thuê mướn lao động bổ sung của người khác, với tư liệu lao động riêng theo luật pháp đã quy định ».

Theo thống kê của Nam-tư, tình hình phát triển của thành phần tư doanh trong công nghiệp như sau:

1952 : 25,8% toàn bộ công nghiệp
1956 : 30,7% —
1960 : 38,5% —

Số công nhân làm việc trong các xưởng tư nhân hiện nay chiếm tới 1/10 tổng số công nhân viên trong toàn liên bang.

Về nông nghiệp, tập đoàn Ti-tô ban hành đạo luật « về diện tích ruộng đất nông nghiệp », cho tự do thuê mướn, mua bán ruộng đất với mức chiếm hữu ruộng đất trồng trọt tối đa từ 10 đến 15 éc-ta.

Tình hình chiếm hữu ruộng đất ở nông thôn Nam-tư đã thay đổi như sau :

	1952	*1957*	*1960*
Tổng số nông hộ cá thể :	1.962.589	2.331.840	2.629.000
trong đó			
dưới 2 éc-ta :	595.231	697.220	780.071
từ 2 đến 5 éc-ta :	768.655	932.736	1.048.971
từ 5 đến 8 éc-ta :	318.238	384.754	413.785
từ 8 éc-ta trở lên :	280.465	317.130	386.173

Qua những con số trên, ta có thể thấy :

— Số nông hộ cá thể phát triển khá nhanh ; chế độ chiếm hữu tư nhân đã chiếm địa vị thống trị trong nền kinh tế nông thôn Nam-tư.

— Số nông hộ ít ruộng tăng nhanh, chứng tỏ những mảnh đất vừa và nhỏ ngày càng bị xé lẻ hơn nữa, trong khi đó những hộ chiếm nhiều ruộng đất thì được ổn định. Ví dụ : số hộ chiếm hữu từ 8 éc-ta trở lên, năm 1957 bằng 13,6% tổng số nông hộ nhưng lại chiếm 35% diện tích ruộng đất trồng trọt ; đến năm 1962, số này chiếm 14% tổng số nông hộ nhưng lại chiếm 60% đất đai trồng trọt.

Hiến pháp mới của Nam-tư không những đã khẳng định việc chiếm hữu tư nhân bằng pháp lý, mà còn

nhấn mạnh rằng: từ nay người ta có thể mua hoặc thuê những khoảng đất rộng hơn với những điều kiện kinh tế có lợi hơn.

Cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội là một trong những nhiệm vụ cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nhưng bọn xét lại Nam-tư đã công khai vứt bỏ nhiệm vụ lịch sử này.

Trong báo cáo tại kỳ họp năm 1957 của Quốc hội Nam-tư, S. Cô-ma, thư ký của Hội đồng chấp hành vụ nông nghiệp toàn liên bang đã tuyên bố: « Hãy làm cho ở nước ta hiện nay cũng như sau này không còn một người nào trông chờ vào tập thể hóa. Xu hướng dùng hình thức đặc biệt có tính chất tước bỏ quyền sở hữu nông dân là tập thể hóa để giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp ở nước ta đã hoàn toàn lỗi thời rồi. »

Năm 1952, ở nông thôn Nam-tư có 6.888 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chiếm 20,4% toàn bộ diện tích trồng trọt. Đến năm 1956, chỉ còn 575 hợp tác xã, chiếm 1,5% diện tích trồng trọt (nếu tính cả nông trường quốc doanh cũng chỉ chiếm 7,7% diện tích trồng trọt). Cho đến nay thì ở Nam-tư không còn lấy một hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nào nữa. Sản xuất cá thể đã chiếm tới 92,5% diện tích trồng trọt, và 98% nông hộ. Trong nông thôn chỉ còn một loại hợp tác xã mang tên là « hợp tác xã lao động nông nghiệp tổng hợp », thực chất là loại hợp tác xã mua bán kiểu tư bản chủ nghĩa. Tổ chức này hợp tác với nông dân cá thể bằng 2 cách:

— bỏ giống, bỏ vốn hoặc phương tiện canh tác. Đến thu hoạch chia theo cổ phần.

— bao mua toàn bộ hoa màu của nông dân cá thể.

Cơ quan lãnh đạo loại hợp tác xã này trong thực tế, nằm trong tay những kẻ « giàu có ». Trong ban quản trị, thành phần là nông dân thu nhập hàng năm dưới 2

vạn đi-na chỉ chiếm 8,2%; ngược lại số người «giàu có» thu nhập trên 10 vạn đi-na trở lên, chiếm tới 40% tổng số ủy viên quản trị.

Tạp chí *Người cộng sản* (Nam-tư) số tháng Mười 1960 đã để lộ ra rằng: số nông hộ tham gia loại hợp tác xã này tuy chỉ có trên 50 vạn mà số tiền nợ hợp tác xã đã lên tới13.650 triệu đi-na, trong đó số nợ đã đến hạn trả là 7.000 triệu đi-na.

Tình hình sản xuất nông nghiệp trở thành một vấn đề nghiêm trọng trong kinh tế Nam-tư. Sản xuất nông nghiệp hiện nay của Nam-tư chưa bao giờ đạt tới mức trước chiến tranh. Nếu trong thời gian 1935-1939, trung bình hàng năm Nam-tư thu được 2.600.000 tấn lúa mì, thì trong thời gian 1948-1957 chỉ thu được 2.200.000 tấn. Thu hoạch ngô cũng từ 4.500.000 tấn sụt xuống 3.500.000 tấn. Gần đây sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục giảm sút. Năm 1960 thu hoạch lúa mì sụt 13,5% so với năm 1959; năm 1961 sụt 6% so với năm 1960 (thấp hơn kế hoạch đã định 20%), năm 1962 còn thấp hơn 1961, theo hãng thông tấn Nam-tư chobiết thì sản lượng lúa mì năm 1962 chỉ vào khoảng 2.300.000 tấn.

Trước chiến tranh, Nam-tư còn bán ra ngoài trung bình hàng năm 17 vạn tấn lúa mì và gần 4 vạn tấn ngô. Đến nay mặc dù căn bản vẫn là nước nông nghiệp, nhưng không năm nào là năm Nam-tư không phải nhập khẩu nông phẩm của các nước tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là của Mỹ. Từ 1953 đến nay hàng năm Nam-tư phải nhập khoảng 1 triệu tấn lúa mì và từ 2 đến 5 vạn tấn chất mỡ. Giá trị lương thực nhập khẩu hàng năm chiếm trên 1/4 tổng giá trị nhập khẩu.

Ở nông thôn Nam-tư, thị trường tự do đã củng cố thêm địa vị cho bọn phú nông. Giá nông sản phẩm ngày một tăng nhưng mức thu nhập của đa số nông

dân ngày càng sụt. Nếu lấy chỉ số giá cả nông sản năm 1960 là 100 thì năm 1961 là 119 và 1962 là 139.

Trong vòng mười một năm từ 1952 đến 1962 giá bán lẻ nông sản đã tăng gấp đôi.

Tình hình đó càng đẩy nhanh quá trình phân hóa ở nông thôn. Số nông dân bị phá sản ngày thêm nhiều. Ruộng đất của những hộ bần nông dần dần lọt vào tay những tầng lớp « nông dân giàu » hay « hợp tác xã ». Ví dụ, năm 1959 ngân hàng nông nghiệp quốc gia cho « hợp tác xã » vay 709.600.000 đi-na để mua ruộng đất của nông dân cá thể, và « hợp tác xã » đã mua tới 29.000 éc-ta ruộng đất của nông dân. Năm 1960, Ngân hàng nông nghiệp quốc gia lại cho « hợp tác xã » vay thêm 3 tỷ đi-na để mua ruộng đất trồng trọt. Những ruộng đất đó « hợp tác xã » lại cho phát canh để thu tô (khoảng 8 vạn éc-ta trong năm 1959); ngoài ra thì thuê nhân công để cày cấy. Không tính số nhân công thuê theo thời vụ, chỉ tính số nhân công thuê cố định ở các « hợp tác xã » đã có tới trên 89.000 người. Năm 1960, tập đoàn Ti-tô còn ban hành đạo luật « sử dụng ruộng đất nông nghiệp » buộc nông dân phải « canh tác hợp lý » theo những biện pháp kỹ thuật của chính phủ, nếu không, những ruộng đất đó sẽ bị « cưỡng chế quản lý » hay « sát nhập » lại với những « hộ » có điều kiện canh tác tốt.

Hiện nay ở Nam-tư có khoảng trên một triệu người « không trực tiếp sản xuất nông nghiệp », « thu nhập không dựa vào những hoạt động nông nghiệp », nhưng trong tay lại có nhiều ruộng đất. Trong khi đó hàng năm có khoảng 29 vạn người (đại bộ phận trước đây có từ 2 đến 3 éc-ta ruộng đất) phải bỏ nông thôn ra thành phố kiếm việc làm ăn để sinh sống (tính đến 1961

nông thôn Nam-tư còn 9.100.000 nông dân; năm 1945 là 13.300.000 người).

Tình hình thực tế đó đã bộc lộ rõ rằng những yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nền nông nghiệp Nam-tư đã được củng cố và phát triển.

2 – Cạnh tranh tự do và chạy theo lợi nhuận là phương thức kinh doanh chủ yếu của nền sản xuất công nghiệp Nam-tư

« Chế độ tự quản », hay nói một cách khác là chế độ phân tán lãnh đạo sản xuất của Nam-tư, đã để cho các xí nghiệp, do các « hội đồng công nhân » lãnh đạo, có nhiều quyền « độc lập » về sản xuất và tài chính. Các xí nghiệp ở Nam-tư có quyền :

— tùy theo nhu cầu riêng của xí nghiệp, tùy theo cung và cầu ngoài thị trường, « hội đồng công nhân » định ra kế hoạch sản xuất và giá cả hàng hóa ;

— sử dụng và phân phối lợi nhuận, tự định ra chế độ lương bổng trong xí nghiệp ;

— trực tiếp bán sản phẩm của xí nghiệp làm ra trên thị trường trong nước và ngoài nước ;

— quyết định việc hợp tác với các xí nghiệp khác, kể cả với các công ty tư bản nước ngoài.

Trong khi trao cho các xí nghiệp những quyền hành rộng như vậy, Nhà nước Nam-tư chỉ làm những việc như :

— quy định một số nguyên tắc chung về sự hoạt động của các xí nghiệp ;

— thu nhận những « đóng góp » của các xí nghiệp đối với Nhà nước ;

— giúp đỡ tài chính cho một số ngành sản xuất.

Nhưng trong những hoàn cảnh đặc biệt, các tổ chức chính quyền ở các cấp có quyền « treo dò » « hội đồng

công nhân » quản lý xí nghiệp, hoặc tịch thu những xí nghiệp trực thuộc địa phương mình trao cho tập thể công nhân khác, hay đem bán đấu giá cho những « tập đoàn công dân » nào có khả năng sản xuất, khi những nơi này làm trái với « lợi ích Nhà nước » hoặc không tôn trọng « kỷ luật » chung v.v...

Với chế độ này, nhân tố chủ yếu và quyết định sự phát triển sản xuất công nghiệp ở Nam-tư là: các xí nghiệp tìm mọi cách có lợi để có những khoản thu nhập lớn. Việc kinh doanh của các xí nghiệp Nam-tư chỉ xuất phát từ lợi ích của thị trường, chứ không xuất phát từ nhu cầu của xã hội nói chung. Tình trạng đó đã làm cho những mặt sản xuất cơ bản như luyện kim, hóa chất, công trình kiến thiết cơ bản v.v. trong những năm gần đây không bao giờ đạt được chỉ tiêu kế hoạch, ngược lại những mặt hàng dễ kiếm lời như điện, dầu lửa, chất dẻo, ô-tô, vô tuyến truyền hình v.v. thì tăng gấp bội.

Tình trạng chạy theo lợi nhuận trong nền công nghiệp Nam-tư đã dẫn tới sự cạnh tranh gay gắt giữa các xí nghiệp. Việc giữ bí mật sản xuất và buôn bán được khuyến khích ở Nam-tư chẳng khác gì trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tạp chí *Người cộng sản*, cơ quan trung ương của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, số 22 năm 1957 đã viết rằng: « bí mật sản xuất và buôn bán cần phải được thừa nhận và được bảo vệ về mặt pháp lý. Trong một nền kinh tế dựa vào thị trường để hoạt động, thì sự cố gắng và những thành tựu của mỗi xí nghiệp cần phải được thưởng ». Nếu như bí mật sản xuất được truyền cho xí nghiệp khác thì « ... cần phải bồi thường đầy đủ cho xí nghiệp đó vì mối lợi của xí nghiệp đó do cố gắng mà có đã bị thiệt hại ».

Chiều hướng phát triển nói trên của nền công nghiệp Nam-tư đã đem lại kết quả là tình hình thị trường hết sức không ổn định, nhiều xí nghiệp đi theo hướng đầu cơ nâng giá. Giá bán buôn hàng công nghiệp năm 1958 cao hơn 1952 là 11% ; năm 1961 cao hơn năm 1960 là 4,9% và năm 1962 cao hơn năm 1961 là 5%. Giá bán lẻ năm 1958 cao hơn 1954 là 11,2%, năm 1961 cao hơn 1960 là 5%, và năm 1962 cao hơn 1961 là 7%.

Do giá cả bị nâng cao một cách giả tạo, không hợp với sức mua của quần chúng; đi đôi với tình trạng cạnh tranh chèn ép lẫn nhau giữa các xí nghiệp, nền kinh tế Nam-tư sa vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Hàng hóa bị ứ đọng mỗi năm một nhiều: ngay các thống kê của Nam-tư cũng phải thú nhận rằng năm 1961, hàng công nghiệp ứ đọng nhiều hơn năm 1960 là 20% ; riêng nửa năm đầu 1962 so với cùng thời gian ấy của năm 1961 đã đọng nhiều hơn 22,3%. Trong cuộc nói chuyện ở trường đại học chính trị Ben-gơ-rát cuối năm ngoái Ti-tô cũng thú nhận là vốn bị ứ đọng ở Nam-tư đã lên tới 20 - 30 tỷ đi-na.

Tình trạng trên làm cho nhiều xí nghiệp Nam-tư chỉ sử dụng được từ 10 đến 15% công suất của máy móc; nhiều nhà máy bị phá sản: năm 1961 có 618 xí nghiệp phải đóng cửa, và 5 tháng đầu năm 1962 có 259 xí nghiệp phải đóng cửa. Có nhiều xí nghiệp kinh doanh thua lỗ không có tiền trả lương cho công nhân, thậm chí có tình trạng phải chịu lương công nhân hàng 3, 4 tháng; hoặc tìm cách hạ mức lương công nhân.

Vì vậy, nền công nghiệp Nam-tư phát triển rất chậm so với các nước xã hội chủ nghĩa. Nếu lấy mức của năm 1958 để so với trước chiến tranh, thì sản lượng công nghiệp Nam-tư chỉ tăng từ 3 đến 4 lần, trong khi

đó ở An-ba-ni tăng 22 lần, Bun-ga-ri tăng 9 lần, Ba-lan tăng 5,5 lần v.v. Những năm gần đây tốc độ phát triển của nền công nghiệp Nam-tư đã bị chừng lại. Ví dụ: năm 1961 sản xuất công nghiệp tuy gọi là tăng 7%, nhưng so với chỉ tiêu kế hoạch thì hụt 5% (chỉ tiêu đề ra 12%), so với năm 1960 giảm 6%; năm 1962 cũng tăng 7% nhưng cũng hụt 6% so với chỉ tiêu (13%), so với năm 1961 giảm đôi chút. Năng suất lao động trong công nghiệp Nam-tư cũng rất thấp và tăng rất chậm. Trong khoảng từ 1947-1956 năng suất lao động bình quân hàng năm chỉ tăng 0,7%. Trong khi đó năng suất lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa tăng từ 9 đến 12%.

Tóm lại, « chế độ tự quản » trong công nghiệp Nam-tư đã dẫn tới tình trạng tự phát của thị trường, và những nhân tố kinh tế tư bản tư nhân được nảy nở và củng cố. Tất cả những điều đó đã đi ngược lại nhu cầu phát triển của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trái với lợi ích của quần chúng lao động Nam-tư.

3 – Chế độ phân phối thu nhập ở Nam-tư làm cho mức sống của quần chúng lao động ngày càng giảm sút

Theo cuốn *Niên giám châu Âu* năm 1961-1962, ngân sách của Chính phủ Nam-tư được sử dụng như sau:

(đơn vị: triệu đi-na)

Phần thu	*1959*	*1960*
Những khoản thuộc về kinh tế	345.201	447.238
Những khoản thuộc về nhân dân	7.127	1.624
Những khoản thu của các xí nghiệp và cơ quan Nhà nước	4.308	3.898
Linh tinh	8.709	40.459
Tổng cộng	365.345	493.219

Khoản thu thuộc về kinh tế gồm những khoản thu về các loại thuế gián thu, thuế công quản, thuế hải quan, v.v. chiếm một tỷ lệ rất lớn trong số thu của ngân sách. Thuế gián thu là thứ thuế đánh vào tiêu thụ, nên nhân dân lao động là người phải gánh vác nhiều nhất. Theo tạp chí *Kinh tế* (Nam-tư) số đầu năm 1962, thì trong vòng 5 tháng đầu năm 1961, phần thuế này đã tăng 22% so với năm 1960.

Khoản thu về nhân dân là loại thuế trực thu đánh vào phần thu nhập về lương và lợi tức, v.v... năm 1959 còn chiếm tỷ lệ 2%, đến 1960 chỉ còn 0,33%. Trong một xã hội đã phân hóa như Nam-tư, thì loại thuế này càng giảm, càng có lợi cho những tầng lớp như phú nông, những lớp người mà thu nhập ngày một tăng.

Khoản thuế đánh vào các xí nghiệp và cơ quan Nhà nước có xu hướng giảm xuống. Năm 1959 tỷ trọng là 1,2%, 1960 chỉ còn 0,91%.

(đơn vị : triệu đi-na)

Phần chi	*1959*	*1960*
Quốc phòng	195.648	207.484
Bộ máy hành chính và tư pháp	18.040	21.648
Cơ quan xã hội, y tế	15.023	19.885
Vốn đầu tư	7.979	8.995
Văn hóa, giáo dục	564	421
Linh tinh	88.906	143.385
Tổng cộng	326.160	401.818

Chi tiêu về quốc phòng chiếm một tỷ lệ khá lớn. Chưa kể những khoản « viện trợ quân sự » do đế quốc Mỹ và các nước đế quốc khác cung cấp trực tiếp bằng vũ khí, máy bay, trang bị, đạn dược v.v. năm 1961, chi tiêu về quốc phòng và các bộ máy hành chính trội 14% so với chỉ tiêu trong khi đó khoản phục vụ cho nhu cầu của nhân dân chỉ tăng 8%.

Phần chi cho sản xuất và phúc lợi công cộng không những chiếm tỷ lệ nhỏ hơn phần chi cho bộ máy Nhà nước và các khoản linh tinh mà lại đang có chiều hướng ngày càng giảm đi.

Năm 1961, tập đoàn Ti-tô thi hành cái gọi là « cải cách kinh tế ». Một trong những nội dung chủ yếu của thứ « cải cách » này là quy định lại sự phân phối thu nhập của các xí nghiệp. Theo quy định mới này, các xí nghiệp, ngoài việc hàng năm phải nộp cho Nhà nước 6% tiền lãi của vốn cố định, còn phải nộp cho Liên bang thêm 15% là thuế sản xuất hàng năm. Sau khi đã khấu trừ các chi phí về hao mòn máy móc công cụ và những khoản nợ cũ phải thanh toán, số còn lại mới coi là thu nhập thuần túy của xí nghiệp. Nhưng trong số này, lại phải nộp 20% cho huyện và công xã để làm vốn đầu tư của địa phương. Số còn lại trích ra 43% bỏ vào quỹ bảo hiểm xã hội, chi về kinh phí tài chính của công xã, và làm vốn xây dựng nhà ở, các công trình công cộng v.v..; 57% để trả lương cho công nhân. Đồng thời chính phủ liên bang phế bỏ chế độ lương thống nhất trong toàn quốc; bỏ khoản trợ cấp của Nhà nước cấp cho các xí nghiệp để bù cho những công nhân nào chỉ thu nhập được 60% mức lương đã quy định; và cho phép mỗi xí nghiệp có quyền tự định ra chế độ lương riêng của xí nghiệp.

Quy định mới này đã tạo điều kiện cho việc phân phối lương không bình đẳng ở các xí nghiệp và giữa các ngành chuyên môn với nhau. Theo Ti-tô tiết lộ thì mức lương giữa giám đốc xí nghiệp, kỹ sư, nhân viên kỹ thuật với công nhân, chênh lệch nhau từ 20 đến 40 lần. Ví dụ ở Ben-gơ-rát, lương giám đốc là 11 vạn đi-na, lương công nhân lành nghề từ 1 vạn đến 1 vạn rưỡi đi-na. Ở nhà máy điện tử Lê-va-na trong thị trấn

Păng-sê-vô, cuối quý I năm 1961 giám đốc lĩnh t thưởng và tiền chia lời là 102.000 đi-na, giám đốc vụ lĩnh 93.000 đi-na, công nhân chỉ được từ 200 đến 300 đi-na.

Ba-ca-rích, ủy viên Ban Chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, trong một bản báo cáo trước Quốc hội, đã than phiền : ở Nam-tư đang có « cuộc chiến đấu cho lợi ích cá nhân » làm trầm trọng thêm tình trạng không bình đẳng trong xã hội, « người giàu càng giàu thêm và người nghèo càng nghèo đi ».

Trong bài « Những cải cách kinh tế của Nam-tư » đăng trên tờ *Kinh tế và chủ nghĩa nhân đạo* số các tháng Năm - Sáu 1962, Pôn-lan-đy đã viết : « chế độ tự quản » của xí nghiệp và công xã đang tăng thêm chiều hướng làm nảy nở những nhà tư bản bản xứ và phát triển những « tư tưởng làm giàu ».

Vật giá lên cao vọt, các khoản chi tiêu trong đời sống hàng ngày cũng tăng lên, làm cho mức sống của nhân dân Nam-tư ngày càng giảm sút. Giá sinh hoạt năm 1959 so với năm 1953 đã tăng 22%, năm 1960 so với 1959 tăng 11%, năm 1961 so với 1960 tăng 17%, năm 1962 so với 1961 tăng 16%. Trong khi đó thu nhập của cá nhân công nhân và nhân dân lao động chỉ tăng từ 5% đến 10%. Do giá sinh hoạt tăng cao, từ tháng Chạp 1961 đến tháng Năm 1962, tiền lương thực tế của công nhân đã giảm 25%.

Trong một cuộc nói chuyện hồi tháng Năm 1962, Ti-tô đã phải thừa nhận : « Hiện nay đa số nhân dân lao động nước ta thu nhập chỉ được dưới 20.000 đi-na. Sức mua của họ quá thấp, nên có nhiều loại hàng vẫn phải tồn lại trong kho », « có người thu nhập 15.000 đi-na hoặc thấp hơn nữa lại thêm gánh nặng gia đình nữa thì thật là khó sống ». Trong khi đó, có một số người

đã « sống sa hoa như những nhà tư sản », họ « đã có nhà ở rồi, còn xây biệt thự riêng » và « còn đang muốn có cả xe hơi riêng ».

Tạp chí *Chỉ số* của Nam-tư số tháng Hai 1963 tiết lộ : trong tháng Hai năm nay, số thất nghiệp đã lên tới 390.000 người, tăng 14,5% so với 1962, hay là 38,3% so với 1961. Số công nhân viên bị sa thải năm 1960 là 264.000 người, năm 1961 là 347.000 người, năm 1962 là 379.000 người. Tạp chí *Người cộng sản* (Nam-tư) số ngày 6 tháng Sáu 1963 đã thú nhận rằng do số thất nghiệp và số người bị sa thải tăng lên, nên « năm ngoái và năm nay ở Cơ-rô-a-xi và nhiều nước cộng hòa khác, rất nhiều « sức lao động thừa » đã phải ra nước ngoài để kiếm ăn, trước hết là ở các nước phương Tây, và nhiều nhất là ở Tây Đức », « có một số cơ quan lãnh đạo chính quyền địa phương đã khuyến khích mọi người ra nước ngoài tìm việc ».

4 – Nền kinh tế Nam-tư phụ thuộc vào các nước đế quốc

Nền kinh tế Nam-tư còn đứng được là nhờ « đô-la » của Mỹ và các nước đế quốc khác. Tính đến năm 1960, trong những món nợ mà Nam-tư vay của nước ngoài, thì 77% là của các nước tư bản chủ nghĩa. Trong khoảng trên mười năm nay các nước đế quốc chủ nghĩa và tổ chức « Ngân hàng quốc tế » của chúng đã cho Nam-tư vay tới 5 tỷ rưỡi đô-la. Tiền lãi mỗi năm trung bình chiếm 20% tổng giá trị xuất khẩu của Nam-tư. Trong số cho vay này, riêng của đế quốc Mỹ đã chiếm tới 3 tỷ rưỡi đô-la (trong đó trên 700 triệu đô-la là viện trợ quân sự. Trong khoảng thời gian 1952 - 1956 và 1958-1959, Mỹ còn cung cấp cho Nam-tư 620 máy bay quân dụng và nhiều loại vũ khí hiện đại).

Chỉ riêng số « viện trợ » của Mỹ cũng đã chiếm 1/3 dự toán ngân sách hàng năm của Nam-tư (tính theo gi hối đoái 1 đô-la = 300 đi-na). Trong chín năm từ 1951 đến 1959, tất cả số « viện trợ » của các nước tư bản chủ nghĩa chiếm tới 70% tổng ngạch đầu tư của Liên bang Nam-tư.

« Viện trợ » của các nước đế quốc chủ nghĩa đã đem lại những gì cho Nam-tư ?

a) Nạn nhập siêu đã trầm trọng và ngày càng trở thành trầm trọng hơn. Điều này đã quá hiển nhiên đến mức ngay cả Hội nghị lần thứ IV Ban Chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư năm 1962 cũng phải thừa nhận.

(tính theo đơn vị : triệu đi-na)

NĂM	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập siêu
1952	111.934	73.958	37.966
1953	118.591	55.794	62.797
1954	101.819	72.113	29.706
1955	132.288	76.976	55.972
1956	142.218	97.011	45.207
1957	198.314	118.533	79.861
1958	205.504	132.419	73.085
1959	206.156	142 995	63.161
1960	248.195	170.080	78.115
Cộng	1.465.019	939.879	525.870

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu so với giá trị nhập khẩu ngày càng giảm sút. Tạp chí *Chính sách kinh tế* của Nam-tư số ngày 17 tháng Hai 1962 cho biết : năm 1959, tổng giá trị xuất khẩu của Nam-tư chỉ bằng 70% tổng giá trị nhập khẩu, năm 1960 chỉ bằng 68%, đến năm 1961 bằng 62%.

sáu tháng đầu năm 1962 so với cùng thời gian đó năm 1961, số « nhập siêu » đã vượt 14%.

Khối « thị trường chung » chiếm khoảng 1/3 số hàng nhập khẩu vào Nam-tư, và trên 1/4 tổng số hàng xuất khẩu của Nam-tư ; giá trị hàng hóa Nam-tư nhập siêu của khối này năm 1961 đã tăng 43% so với năm 1960. Riêng đối với Mỹ, số nhập siêu của Nam-tư năm 1961 cũng tăng 34% so với 1960.

Tình trạng nhập siêu trầm trọng làm cho nền kinh tế Nam-tư bị hỗn loạn và dần dần gắn chặt vào với các nước tư bản chủ nghĩa. Tô-đo-rô-vich, Phó Tổng thống Nam-tư đã nói rằng : « Mặc dù tình trạng thu chi không cân bằng đã trầm trọng », nhưng Nam-tư vẫn không thể « giảm bớt việc nhập khẩu quá nhiều », vì như vậy « sẽ có nghĩa là phá hoại sản xuất và làm giảm sự phát triển của nền kinh tế ».

Vì sao vậy ?

+ Tập đoàn Ti-tô còn cần « viện trợ » của các nước đế quốc để « vá víu » những lỗ hổng trong nền kinh tế.

+ Những xí nghiệp của Nam-tư thực tế đã trở thành « những chi nhánh » của các công ty tư bản lũng đoạn nước ngoài, nếu không có thiết bị, nguyên liệu, và những loại hàng nửa thành phẩm của nước ngoài thì họ phải ngừng sản xuất.

b) Đại bộ phận xí nghiệp của Nam-tư đã trở thành những xí nghiệp gia công đặt hàng của các công ty tư bản nước ngoài. Riêng năm 1961, vốn đầu tư thiết bị của các công ty tư bản nước ngoài bỏ vào các xí nghiệp Nam-tư đã tăng 6 tỷ đi-na so với năm 1960. Ví dụ : ngành sản xuất ô-tô « FIAT 600 » đã phải dùng tới 78% phụ tùng của nước ngoài ; ngành sản xuất mô-tô trong nước cũng phải dựa vào 80 - 83% các phụ tùng của công ty nước ngoài. Ngoài ra còn có rất nhiều chuyên

gia của Mỹ đang làm việc ở các xí nghiệp Nam-tư và 3.635 thanh niên Nam-tư đang được Mỹ và các nước tư bản khác đào tạo về mặt tổ chức kỹ thuật theo « kế hoạch viện trợ ». Như vậy trong trường hợp nếu các công xưởng tư bản ở ngoài thay đổi cách thức chế tạo hàng hóa thì ở Nam-tư cũng phải cải tổ sản xuất.

c) Nam-tư trở thành thị trường tiêu thụ của các công ty tư bản lũng đoạn nước ngoài. Hàng hóa của các nước đế quốc từ những thiết bị máy móc tới lưỡi dao cạo, khuy áo, tràn ngập trên thị trường Nam-tư, cạnh tranh chèn ép với các cơ sở sản xuất ở Nam-tư, khiến nhiều xí nghiệp không bán nổi hàng hóa của mình. Ví dụ năm 1961, Chính phủ Nam-tư cho nhập 73.000 máy kéo sợi của công ty nước ngoài, làm cho nhà máy « Cơ-lốt-xích » với sản lượng hàng năm 10 vạn máy kéo sợi, không còn cách nào tiếp tục sản xuất được nữa.

Tập đoàn Ti-tô còn có dụng ý cho nhập nhiều mặt hàng của nước ngoài để buộc các xí nghiệp trong nước « phải tìm cách hạ giá thành và nâng cao chất lượng », coi đó là biện pháp có hiệu quả để « kích thích sản xuất ở trong nước ». Kết quả là trong năm 1961, số thành phẩm của nhiều xí nghiệp phải tồn kho nhiều hơn 20% so với năm 1960, trong đó tư liệu sản xuất bị ứ đọng tăng 33%. Riêng 5 tháng đầu năm 1962 so với cùng thời gian đó năm 1961, số hàng ứ đọng vì nguyên nhân như vậy đã tăng 22,3%, trong đó tư liệu sản xuất ứ đọng tăng tới 27,9%.

Tình trạng đó buộc các xí nghiệp Nam-tư phải đua nhau đi mua giấy « nhượng lại quyền sản xuất » của các công ty tư bản nước ngoài, làm cho nền công nghiệp của Nam-tư càng đi sâu vào con đường phụ thuộc các công ty tư bản lũng đoạn nước ngoài; hơn nữa các xí nghiệp Nam-tư còn trở thành kẻ môi giới cho những

công ty đó xâm nhập những vùng mà chúng chưa ri được.

Sự lũng đoạn của công ty tư bản nước ngoài, đi đôi với việc Nam-tư bị cột chặt vào cái gọi là « viện trợ » của các nước đế quốc phương Tây, làm cho đồng tiền Nam-tư bị giảm giá rất nghiêm trọng. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, giá hối đoái của 1 đô-la Mỹ bằng 44 đi-na ; sau chiến tranh, 1 đô-la Mỹ bằng 300-350 đi-na ; sau cuộc « cải cách kinh tế » năm 1961, 1 đô-la Mỹ bằng 750 đi-na (đây là tính theo giá hối đoái chính thức, trong thực tế có những lúc 1 đô-la ăn 1.200 đi-na). Đồng thời trong số hàng hóa của các nước phương Tây nhập vào Nam-tư, tập đoàn Ti-tô phải để cho 30% số hàng nhập khẩu được tự do không theo quy định chung của luật lệ xuất nhập khẩu ở Nam-tư. (Tạp chí *Kinh tế và chủ nghĩa nhân đạo,* số các tháng Năm - Sáu 1962)

Nếu đường lối xét lại chủ nghĩa Mác — Lê-nin của tập đoàn Ti-tô đã phá vỡ những thành quả cách mạng mà nhân dân Nam-tư đã giành được trước đây, thì sự « viện trợ » của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ, là miếng đất nuôi dưỡng tập đoàn Ti-tô đi sâu vào con đường phản bội. Tờ *Nhật báo phố U-ôn* (Mỹ) đã nói thẳng ra rằng: phương Tây tận tình cung cấp đô-la cho Nam-tư là muốn tranh thủ Nam-tư, trước hết là « trở lại thế giới kinh tế của phương Tây », sau đó « kéo về thế giới chính trị của phương Tây ».

Năm 1961, tập đoàn Ti-tô tiến hành một loạt « cải cách kinh tế », nội dung gồm có 2 phần:

Đối với trong nước:

— tăng cường quyền lực cho các công xã giám sát chặt chẽ sự hoạt động kinh tế ở các khu vực, và thông qua các ngân hàng để nắm lấy các xí nghiệp.

— tăng thêm quyền hạn cho « hội đồng công nhân » trong việc sử dụng và phân phối lợi nhuận của xí nghiệp, và tăng thêm « sự đóng góp » của xí nghiệp đối với Nhà nước.

Đối với ngoài nước :

— sửa đổi lại giá hối đoái của đồng đi-na (từ 300 đi-na ăn 1 đô-la, lên 750 đi-na ăn 1 đô-la).

— nới rộng hơn nữa việc nhập khẩu, đặc biệt là những loại hàng « có lợi » cho việc « phát triển nền kinh tế » thì được nhập khẩu tự do.

Với cuộc « cải cách » này, tập đoàn Ti-tô càng đi sâu hơn vào việc phân tán lãnh đạo kinh tế, và tạo điều kiện cho các công ty tư bản lũng đoạn nước ngoài xâm nhập ngày càng nhiều vào Nam-tư. Sau cuộc « cải cách », các nước phương Tây đã « tặng » tập đoàn Ti-tô 300 triệu đô-la gọi là « bù đắp » cho việc « cải cách ». Tờ *Nhật báo phố U-ôn* giải thích rằng đó là « một hành động cộng đồng lớn nhất » của phương Tây từ đầu những năm 50 đến nay nhằm tăng viện trợ cho Nam-tư.

II. — BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ ĐẢNG Ở NAM-TƯ HIỆN NAY

Trong các nước xã hội chủ nghĩa, thực tiễn phát triển của xã hội đã xác minh rằng việc tăng cường vai trò Nhà nước xã hội chủ nghĩa và Đảng của giai cấp công nhân là yếu tố quyết định nhất của việc thực hiện nhiệm vụ lịch sử quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Ở Nam-tư, tập đoàn Ti-tô đã giải quyết vấn đề này theo một kiểu riêng biệt, kiểu « chủ nghĩa xã hội không có Nhà nước ».

Bắt đầu từ 1950, tập đoàn Ti-tô đã tiến hành một loạt biện pháp như:

— Ra lệnh giải tán tất cả các bộ môn lãnh đạo kinh tế, tuyên bố bộ máy Nhà nước các cấp không « can thiệp » vào việc lãnh đạo sản xuất, trừ hệ thống ngân hàng vẫn nằm trong tay Nhà nước.

— Tháng Giêng 1953, tập đoàn Ti-tô thủ tiêu bản hiến pháp cũ đã được công bố năm 1946; ra hiến pháp mới, sửa lại chế độ lập pháp ở liên bang và các nước cộng hòa; chia Quốc hội Nam-tư thành 2 viện:

a) Viện liên bang, chỉ quản những việc hành chính trị an, còn không « dính líu » tới vấn đề sản xuất, kinh tế.

b) Viện những người sản xuất, theo dõi và tham gia những hoạt động về kinh tế, nhưng không tham dự vào những công việc thuộc phạm vi của Viện liên bang.

Phế bỏ Chủ tịch đoàn Viện liên bang và Hội đồng bộ trưởng, đặt chế độ tổng thống và cơ quan chấp hành là Ủy ban chấp hành liên bang, cùng các « bí thư xứ » làm những công việc của các bộ trước đây.

Bản hiến pháp mới (công bố đầu năm nay) có sửa đổi lại, chia Quốc hội thành 5 viện: Viện liên bang, Viện những người sản xuất, Viện giáo dục văn hóa, Viện xã hội y tế, Viện chính trị hành chính. Nhưng về thực chất, thì tổ chức này cũng không có gì khác trước. Trả lời nhà báo Mỹ Pớc-xơn, ngày 11 tháng Ba 1962, Ti-tô đã nói: « Hiến pháp mới là một bước tiến mới trên con đường *phân tán và dân chủ hóa* chế độ Nam-tư ».

Theo báo *Thế giới* của Pháp (số ngày 28 tháng Chạp 1962), bộ trưởng Bộ Nội vụ Nam-tư đã cho biết rằng trong năm 1962 các tòa án đã phải xử tới 145.000 vụ án, tăng hơn năm 1961 là 14%, trong đó phần lớn là tội về

kinh tế. Cũng theo viên bộ trưởng này cho biết, hiện nay còn cần thiết phải tích cực đấu tranh chống « những phần tử mặc áo bơ-lu-dông đen », vì bọn này trong năm 1962 đã giết chết 4 cảnh sát, và làm bị thương nặng gần 10 cảnh sát khác. E. Hao-xen, biên tập viên tờ *Bưu báo chiều thứ bảy* sau khi ở Nam-tư về đã viết như sau : « Anh có thể gặp từng tốp từng tốp thiếu niên ồn ào và hoạt bát, chúng đã lớn vượt cả cha, anh. Mỗi khi tan học về, chúng thoải mái như hồi chúng ta còn nhỏ. Trong những tiệm rượu mở dọc theo con đường Téch-xia, trung tâm náo nhiệt của đời sống thị dân ở đây[1] đầy rẫy những người, cả nam lẫn nữ, uống cà-phê, hay rượu vang, bàn tán về việc buôn bán kiếm tiền, và những câu chuyện ngao du của ngày nghỉ. họ tỏ ra đã quên đứt mình là giai cấp vô sản », ... « họ chính là thế hệ đang lớn lên mà chúng ta đang gửi gấm vào đó những mục đích lâu dài »[2].

Tuy vậy, tập đoàn thống trị ở Nam-tư cũng không dám buông trôi cái gọi là « hoàn toàn phân tán và hoàn toàn dân chủ » chế độ Nhà nước và quản lý kinh tế. Để phục vụ cho lợi ích của chúng, tập đoàn Ti-tô đã cho thành lập 3 kiểu tổ chức kinh tế tập trung : một là Liên đoàn các tổ chức kinh tế ; hai là, tổ chức cái gọi là « sở » ở trong mỗi ngành kinh tế ; ba là, tổ chức đặc biệt trong những ngành sản xuất nhất định. Ngoài ra, chúng còn thông qua các ngân hàng liên bang và ngân hàng địa phương để khống chế sự hoạt động vô tổ chức của các xí nghiệp. Hình thức tổ chức « bí thư xứ » thực chất cũng là nhằm tăng cường sự lãnh đạo tập trung đối với nền kinh tế và chính trị ở Nam-tư.

---

1. Chỉ Ben-gơ-rát.
2. *Bưu báo chiều thứ bảy*, số ngày 30 tháng Chín 1961.

Như vậy là trong bản thân những quan điểm « lý luận » của bọn xét lại Nam-tư đã phản ánh 2 xu hướng đối lập: xu hướng phân tán và xu hướng tăng cường các cơ quan lãnh đạo tập trung, trước hết là đối với nền kinh tế. Điều đó cũng là phản ánh mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa xét lại, tức là mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa « lý luận » và thực tiễn.

Về vấn đề Đảng:

Tháng Một 1952, Đại hội đại biểu lần thứ VI Đảng Cộng sản Nam-tư thủ tiêu bản cương lĩnh và Điều lệ Đảng Cộng sản Nam-tư đã được thông qua tại Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng Bảy 1946), thông qua điều lệ mới, đổi tên Đảng là « Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư ». Điều lệ mới quy định: các tổ chức Đảng « không được can thiệp » vào việc lãnh đạo kinh tế; Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư chủ yếu chỉ « lấy tinh thần xã hội chủ nghĩa giáo dục quần chúng và đấu tranh không ngừng để phát triển nền chính trị và văn hóa của họ ».

III. — ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA BỌN XÉT LẠI NAM-TƯ

Về chính sách đối ngoại, bè lũ Ti-tô, theo lệnh chủ Mỹ, đã ra sức hoạt động phá hoại phong trào cộng sản quốc tế và phe xã hội chủ nghĩa, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Sau đây là những bằng chứng không thể chối cãi được về vai trò phản cách mạng của chúng.

— Ngày 10 tháng Bảy 1949, Ti-tô tuyên bố đóng cửa biên giới Nam-tư — Hy-lạp, cấm các chiến sĩ du kích Hy-lạp rút sang Nam-tư, đồng thời hắn để cho quân đội

phát-xít của bọn bảo hoàng Hy-lạp qua lãnh thổ Nam-tư để tiêu diệt lực lượng du kích Hy-lạp đã tạm lánh sang đó từ trước. Bị một mũi dao bất ngờ của bè lũ Ti-tô đâm phía sau lưng, đồng thời bị quân đội của Chính phủ phản động Hy-lạp càn quét ác liệt, lực lượng du kích Hy-lạp bị tổn thất hết sức nặng.

— Trong cuộc chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra ở Triều-tiên, bè lũ Ti-tô một mặt, ra sức bào chữa cho đế quốc Mỹ, mặt khác, công kích Trung-quốc là «can thiệp vào chiến tranh Triều-tiên» khi Trung-quốc làm nghĩa vụ quốc tế của mình đối với nhân dân Triều-tiên anh em. Tại Liên hợp quốc, bè lũ Ti-tô còn bỏ phiếu tán thành chính sách cấm vận đối với Trung-quốc và Triều-tiên.

— Từ năm 1948 đến năm 1958 và 1960, bè lũ Ti-tô không ngừng khiêu khích, phá hoại và tiến hành âm mưu lật đổ đối với nước An-ba-ni xã hội chủ nghĩa. Chúng đã gây ra hơn 470 vụ khiêu khích vũ trang ở biên giới Nam-tư — An-ba-ni.

— Trong vụ phiến loạn phản cách mạng ở Hung-ga-ri hồi tháng Mười 1956, bè lũ Ti-tô đã đóng vai trò bỉ ổi của một tên can thiệp và khiêu khích. Chúng đã công bố một bức thư tỏ ý ủng hộ những biện pháp phản cách mạng của tên phản bội Im-rê Nát-giơ. Ngày 3 tháng Một 1956, chúng đã báo cho Im-rê Nát-giơ đến tị nạn tại sứ quán Nam-tư tại Hung-ga-ri.

— Năm 1958, đế quốc Mỹ đưa quân đến xâm chiếm Li-băng, đế quốc Anh đưa quân đến xâm chiếm Gioóc-đa-ni, đã gây nên làn sóng phản kháng mạnh mẽ trên toàn thế giới, đòi quân đội Mỹ, Anh phải lập tức rút khỏi những nơi đó. Trong phiên họp khẩn cấp của Đại hội đồng Liên hợp quốc thảo luận về tình hình Trung Đông, ngoại trưởng Nam-tư Pô-pô-vích đã nói «Vấn

đề không phải ở chỗ một mực chỉ trích hoặc tán thành hành động của Mỹ và Anh ». Hắn còn chủ trương nên để cho Liên hợp quốc — do Mỹ giật dây — can thiệp vào vụ này.

— Mùa thu năm 1958, để đập lại những hoạt động khiêu khích của đế quốc Mỹ và bè lũ Tưởng Giới-thạch ở eo biển Đài-loan, quân giải phóng nhân dân Trung-quốc đã nã đại bác vào Kim-môn. Tập đoàn Ti-tô lại vu khống Trung-quốc là « uy hiếp đối với toàn thế giới » và « có hại cho hòa bình ».

— Năm 1960, khi đế quốc Mỹ núp dưới ngọn cờ của Liên hợp quốc, vũ trang xâm lược Công-gô, bè lũ Ti-tô chẳng những bỏ phiếu ủng hộ đế quốc Mỹ tại Liên hợp quốc, mà còn tuân theo chỉ thị của đế quốc Mỹ, phái quân đội Nam-tư đến đàn áp đẫm máu đối với nhân dân Công-gô.

— Tháng Giêng 1961, khi đế quốc Mỹ mở rộng sự can thiệp vào Lào, bè lũ Ti-tô tuyên bố rằng, « Mỹ thật sự quan tâm đến nền hòa bình và trung lập của Lào ». Tháng Năm 1963, khi đế quốc Mỹ gây ra những vụ mưu sát chính trị và xung đột vũ trang ở Lào, bè lũ Ti-tô lại công kích các lực lượng yêu nước Lào là « đổ hết mọi tội lỗi cho Mỹ ».

— Trong cuộc xung đột về vấn đề biên giới Trung — Ấn do bọn tư sản phản động ở Ấn-độ gây ra, bè lũ Ti-tô đã đứng về phía bọn phản động Ấn-độ, vu khống Trung-quốc là « xâm lược ». Chúng còn giúp vũ khí cho bọn tư sản phản động ở Ấn-độ và thúc đẩy bọn này khiêu khích, tiến công Trung-quốc.

— Lợi dụng sự bất đồng ý kiến hiện nay trong phong trào cộng sản quốc tế, bè lũ Ti-tô đang ra sức « đổ thêm dầu vào lửa », khơi sâu sự bất đồng đó nhằm phá hoại phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế.